



SÁCH HƯỚNG DẪN THÔNG TIN SINH HOẠT

DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TẠI THÀNH PHỐ



Tiếng Việt
ベトナム語

市内在住外国人のための
生活情報ガイド



Thành phố Toyama
富山市

SÁCH HƯỚNG DẪN THÔNG TIN SINH HOẠT

Dành cho người nước ngoài tại thành phố

市内在住外国人のための

生活情報ガイド

Thành phố Toyama

富山市

LỜI MỞ ĐẦU

Thành phố Toyama có thiên nhiên tươi đẹp và địa hình đa dạng với độ cao tới 4.000m, trải dài từ vịnh Toyama sâu khoảng 1.000m đến dãy núi Tateyama thuộc phía Bắc dãy Alps cao trên 3.000m.

Từ xa xưa, Toyama đã được biết đến trên toàn quốc với tên gọi “thành phố của dược phẩm”. Cùng với ngành dược, nhiều ngành công nghiệp khác cũng phát triển mạnh mẽ, kết hợp với hệ thống chức năng đô thị hiện đại, nền văn hóa phong phú và bề dày lịch sử, giúp Toyama không ngừng phát triển với vai trò là một thành phố trung tâm.

Thành phố Toyama đã biên soạn cuốn sách hướng dẫn thông tin sinh hoạt với nội dung phong phú, tập hợp những thông tin thiết yếu liên quan đến đời sống hằng ngày, nhằm giúp quý cư dân người nước ngoài – những người có sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa và tập quán sinh hoạt – có thể nhanh chóng ổn định và tận hưởng cuộc sống thoải mái tại thành phố. Rất mong quý vị tích cực sử dụng cuốn cẩm nang này.

Tháng 3 năm Reiwa 8



Quang cảnh núi Tateyama và khu phố Toyama nhìn từ Tháp quan sát Tòa thị chính Toyama

Tại Tòa thị chính thành phố Toyama có tháp quan sát được xây ở độ cao khoảng 70m, từ đây có thể ngắm nhìn toàn cảnh 360 độ của thành phố và cảnh sắc xung quanh. (Miễn phí)



はじめに

富山市は、深さ1,000mの富山湾から高さ3,000m級の北アルプス立山連峰まで、標高差4,000mの多様な地形や美しい自然があります。

また、昔から「くすりのまち」として全国にその名が知られており、薬業をはじめとする様々な産業と高度な都市機能、そして、多様な文化と歴史を持つ中核都市として発展を続けています。

富山市では言葉、文化、生活習慣などが違う外国人の皆様にも早く本市での快適な生活を送っていただけるよう、日常生活に関わりの深い情報を幅広く載せた、生活情報ガイドブックを作成しましたので、ご活用いただければ幸いです。

令和8年3月



富山市役所展望塔から見える立山と富山市の街並み
富山市役所には高さ70mに設置された展望塔があり、360°の景色を見ることが出来ます。(無料)



MỤC LỤC

Lời mở đầu

I. Với tư cách là cư dân

1. Đăng ký tạm trú	1
2. Thủ tục lưu trú	5
3. Về thuế	7
4. Bảo hiểm y tế quốc dân	11
5. Đăng ký khai sinh	11
6. Đăng ký kết hôn	13
7. Đăng ký khai tử	13
8. Bảo hiểm điều dưỡng	13
9. Lương hưu	15

II. Khi bắt đầu cuộc sống tại Nhật Bản

1. Khi thuê nhà hoặc căn hộ	19
2. Thanh toán các khoản phí công cộng	23
3. Rác thải	37
4. Ngân hàng	37

III. Về việc học tiếng Nhật

41

目次

はじめに

I. 住民として

1. 住民登録	2
2. 在留手続き	6
3. 税金について	8
4. 国民健康保険	12
5. 出生届	12
6. 婚姻届	14
7. 死亡届	14
8. 介護保険	14
9. 年金	16

II. 生活を始めるにあたって

1. 家やアパートを借りるとき	20
2. 公共料金の支払い	24
3. ごみ	38
4. 銀行	38

III. 日本語学習について

42

IV. Thông tin khẩn cấp – an toàn

- 1.Số điện thoại liên lạc khi khẩn cấp và các từ ngữ cần thiết 43
- 2.Các biện pháp phòng chống thiên tai chủ yếu 45

V. Quản lý sức khỏe

- 1.Khám sàng lọc ung thư 51
- 2.Rèn luyện sức khỏe 53
- 3.Tiêm chủng dự phòng 53
- 4.Khám chữa bệnh ngày nghỉ và ban đêm 55
- 5.Bệnh viện có thể khám bằng tiếng nước ngoài 57

VI. Mang thai – sinh con

- 1.Khi mang thai 59
- 2.Khi em bé chào đời 59

VII. Nuôi dạy trẻ – giáo dục

- 1.Trợ cấp nhi đồng và hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ em 63
- 2.Nhà trẻ – cơ sở giáo dục mầm non được chứng nhận 63
- 3.Trường mẫu giáo – cơ sở giáo dục mầm non được chứng nhận ... 65
- 4.Trường tiểu học – trung học cơ sở 67

IV. 緊急・安全情報

1. 緊急時の通報番号と必要な用語 44
2. 主な災害対策 46

V. 健康管理

1. がん検診 52
2. 健康づくり 54
3. 予防接種 54
4. 休日・夜間診療 56
5. 外国語で診察が受けられる病院 58

VI. 妊娠・出産

1. 妊娠したときは 60
2. 誕生したら 60

VII. 育児・教育

1. 児童手当とこども医療費助成 64
2. 保育所・認定こども園 64
3. 幼稚園・認定こども園 66
4. 小学校・中学校 68

VIII. Cơ sở văn hoá

1. Những thư viện có sách nước ngoài 69
2. Bảo tàng 69

IX. Giao thông

1. Cách sử dụng xe buýt và tàu điện thành phố 73
2. Cách sử dụng JR và đường sắt địa phương Toyama 75
3. Cách sử dụng taxi 77
4. Sử dụng máy bay 77

X. Lái xe tại Nhật Bản

1. Chuyển đổi bằng lái xe nước ngoài sang bằng lái Nhật 79
2. Tốt nghiệp trường dạy lái xe 81
3. Gia hạn bằng lái xe 83
4. Đăng kiểm xe 85
5. Vi phạm giao thông 87
6. Lưu ý khi lái xe 87
7. Biển báo giao thông 91

XI. Cửa sổ tư vấn – thông tin hữu ích

1. Các quầy/cơ quan tư vấn 93
2. Thông tin hữu ích 95

VIII. 文化施設

1. 外国語で書かれた本などをおいている図書館 70
2. 美術館・博物館など 70

IX. 交通

1. バスや市電の利用の仕方 74
2. JRや富山地方鉄道などの利用の仕方 76
3. タクシーの利用の仕方 78
4. 飛行機の利用 78

X. 日本国内での運転

1. 運転免許証の切り替え 80
2. 自動車学校を卒業 82
3. 免許証の更新 84
4. 車検 86
5. 反則制度 88
6. 運転するときの注意 88
7. 道路標識 91

XI. 相談窓口・お役立ち情報

1. 相談窓口 94
2. お役立ち情報 96

I. Với tư cách là cư dân

1. Đăng ký cư trú

(Nơi liên hệ: Phòng Thị dân, TEL 076-443-2050)



(1) Khi đã quyết định địa chỉ mới

Người nộp hồ sơ: Bản thân hoặc người đại diện

Thời hạn khai báo : Trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhập cảnh, vui lòng mang Thẻ lưu trú đến làm thủ tục tại quầy tiếp nhận của chính quyền thành phố/quận/huyện nơi cư trú để làm thủ tục khai báo.

Giấy tờ cần thiết: Hộ chiếu, thẻ lưu trú, giấy tờ chứng minh quan hệ với chủ hộ (trường hợp chủ hộ là người nước ngoài), bản dịch.v...v...

(2) Khi thay đổi địa chỉ

1) Trường hợp chuyển đến thành phố Toyama

Khi chuyển đến từ thành phố hoặc địa phương khác, cần phải thực hiện thủ tục khai báo chuyển đến.

Người nộp hồ sơ: Bản thân hoặc người đại diện

Thời hạn khai báo: Trong vòng 14 ngày kể từ ngày xác định địa chỉ mới

Giấy tờ cần thiết: Giấy chứng nhận chuyển đi, thẻ lưu trú, thẻ My Number, giấy tờ chứng minh quan hệ với chủ hộ (nếu chủ hộ là người nước ngoài), bản dịch,...

2) Trường hợp chuyển nhà trong phạm vi thành phố Toyama

Khi thay đổi địa chỉ trong nội thành Toyama, cần phải khai báo chuyển nơi ở.

Người nộp hồ sơ: Bản thân hoặc người đại diện

Thời hạn khai báo: Trong vòng 14 ngày kể từ ngày thay đổi địa chỉ

Giấy tờ cần thiết: Thẻ lưu trú của tất cả những người chuyển nhà, thẻ My Number,...

I. 住民として

1. 住民登録 [問合せ先: 市民課 TEL 076-443-2050]



(1) 新しく住所を決めたとき

申請者: 本人または代理人

届出期間: 入国日から14日以内に在留カードを持って
住居地の市区町村の窓口で、届出をしてください。

必要書類: 旅券、在留カード、世帯主(外国人の場合)との
続柄を証明する文書、訳文など

(2) 住所を変更したとき

1) 富山市内に引っ越してきたとき

他の市町村から転入した場合は、届出をしてください。

申請者: 本人または代理人

届出期間: 新しく住所を決めた日から14日以内

必要書類: 転出証明書、在留カード、マイナンバーカード、
世帯主(外国人の場合)との続柄を証明する
文書、訳文など

2) 富山市内で引っ越したとき

市内で住所が変わった場合は、届出をしてください。

申請者: 本人または代理人

届出期間: 住所を変えてから14日以内

必要書類: 転居者全員の在留カード、マイナンバーカードなど

3) Trường hợp chuyển ra ngoài thành phố Toyama (bao gồm cả về nước)

Khi chuyển đi khỏi thành phố Toyama,

cần phải thực hiện thủ tục khai báo chuyển đi.

Người nộp hồ sơ: Bản thân hoặc người đại diện

Thời hạn khai báo: Trong vòng 1 tháng trước ngày chuyển đi hoặc trong vòng 14 ngày sau khi chuyển đi.

Giấy tờ cần thiết: Thẻ lưu trú, thẻ My Number,...



(3) Xin cấp Phiếu tạm trú

Đây là giấy tờ do người đứng đầu chính quyền thành phố/quận/huyện cấp để chứng minh địa chỉ cư trú khi có nhu cầu.

Người nộp hồ sơ: Bản thân, Người cùng hộ gia đình với người đó hoặc người đại diện có giấy ủy quyền của người ủy quyền.

Giấy tờ cần thiết: Thẻ lưu trú, thẻ My Number... (của người đến làm thủ tục tại quầy),

Giấy ủy quyền (trường hợp người đại diện đến làm thủ tục).

Lệ phí: 300 yên / 1 bản



(4) Mã số cá nhân (Thẻ My Number)

Mã số cá nhân (thẻ My Number) là số dùng trong các thủ tục hành chính theo quy định pháp luật tại Nhật Bản như bảo hiểm xã hội, thuế, v.v. Khi đăng ký cư trú lần đầu tại Nhật Bản, mỗi người sẽ được cấp một mã số gồm 12 chữ số.

Khoảng 2-3 tuần sau khi đăng ký cư trú lần đầu, Giấy thông báo mã số cá nhân sẽ được gửi đến qua đường bưu điện (dạng thư bảo đảm đơn giản).

Nếu làm thủ tục đăng ký, bạn có thể nhận Thẻ My Number.

Thẻ My Number là thẻ có gắn chip IC, thuận tiện cho sinh hoạt tại Nhật Bản. Thẻ này có thể sử dụng thay thẻ giấy tờ xác nhận danh tính và thẻ bảo hiểm y tế.

3) 富山市外へ引っ越したとき (帰国を含む)

富山市外へ転出する場合は、届出をしてください。

申請者：本人または代理人

届出期間：転出する1か月前または転出後14日以内

必要書類：在留カード、マイナンバーカードなど



(3) 住民票の交付申請

住所の証明が必要になったときに、市区町村長が証明

するものです。

申請者：本人、本人と同一世帯の方、または本人からの委任状を持っている代理人

必要書類：在留カード、マイナンバーカードなど（窓口に来られる方の分）、委任状（代理人が窓口に来られる場合）

手数料：1通 300円



(4) 個人番号 (マイナンバー)

個人番号 (マイナンバー) は、日本国内での社会保障や税金などの法律に従った行政手続きで使われるもので、日本に来てから、初めて住民票が作られる時に、12桁のマイナンバーが付けられます。

日本で初めて住民票が作られて2~3週間ほどすると郵送 (簡易書留) で個人番号通知書が届きます。

申請をすることで、マイナンバーカードを受け取ることができ

ます。マイナンバーカードは日本で便利に暮らしていくうえで必要なICチップ付きのカードで、本人確認書類や健康保険証として使うことができます。

2. Thủ tục lưu trú

(Nơi liên hệ: Cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Nagoya – Văn phòng chi nhánh Toyama, Tầng 1 toà nhà ga nội địa Sân bay Toyama), TEL 076-495-1580)

Cổng thông tin tổng hợp về lưu trú dành cho người nước ngoài, TEL 0570-013904

TEL 03-5796-7112 (đối với điện thoại IP hoặc gọi từ nước ngoài)

(1) Thẻ lưu trú

Thẻ lưu trú được cấp cho những người nước ngoài lưu trú tại Nhật Bản trên 3 tháng (đối tượng được cấp thẻ lưu trú được gọi là “người lưu trú trung và dài hạn”). Trên thẻ có ghi thời hạn được phép ở lại Nhật Bản (thời hạn lưu trú) và các hoạt động được phép thực hiện tại Nhật Bản (tư cách lưu trú).

Vui lòng luôn mang theo thẻ bên mình.

(2) Các thủ tục xét duyệt tư cách lưu trú

Cơ quan tiếp nhận các loại thủ tục sau:

① Thủ tục gia hạn thời gian lưu trú

(Trường hợp muốn tiếp tục ở lại khi thời hạn được phép lưu trú sắp hết)

② Thủ tục xin thay đổi tư cách lưu trú

(Trường hợp muốn thay đổi tư cách lưu trú)

③ Thủ tục xin cấp vĩnh trú

(Trường hợp có nguyện vọng sinh sống lâu dài tại Nhật Bản)

④ Thủ tục xin phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú

(Trường hợp muốn thực hiện các hoạt động như làm thêm bán thời gian ...)

Ngoài ra, về thông tin chi tiết của các thủ tục khác, Tham khảo thêm tại trang web chính thức của Bộ Tư pháp Nhật Bản – Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú.



2. 在留手続

【問合せ先: 名古屋出入国在留管理局富山出張所

富山空港国内線ターミナルビル1階 TEL 076-495-1580

外国人在留総合インフォメーションセンター TEL 0570-013904

TEL 03-5796-7112 (IP電話・海外からのお問い合わせの場合)

(1) 在留カード

在留カードは、3か月を超えて日本に在留する外国人(在留カードの交付対象者を「中長期在留者」といいます。)に交付され、日本に在留することができる期間(在留期間)と日本で在留することができる活動(在留資格)が書かれている身分証明書です。常に持ち歩いてください。

(2) 在留審査手続

次の申請を受け付けています。

① 在留期間更新の申請

(許可された在留期間の満了日を超えて在留を希望する場合)

② 在留資格変更の申請

(現在の在留目的を変更して在留を希望する場合)

③ 永住許可の申請

(日本に永住を希望する場合)

④ 資格外活動許可の申請

(許可された活動以外の就労活動(アルバイト)を行うことを希望する場合) など

その他の手続の詳しい情報について、法務省出入国在留管理庁ホームページでも、案内をしていますので、ご覧ください。



Trong thời gian lưu trú, nếu phát sinh các vấn đề không rõ về thủ tục lưu trú, hãy liên hệ đến “Cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Nagoya – Văn phòng Toyama” hoặc “Công thông tin tổng hợp về lưu trú dành cho người nước ngoài” để được tư vấn và giải đáp.

3. Về thuế

(1) Thuế cư trú và thuế môi trường rừng

(Nơi liên hệ: Phòng Thuế thị dân – TEL 076-443-2032)



Thuế cư trú (住民税) bao gồm thuế thành phố (市民税) và thuế tỉnh (県民税).

Những người có đăng ký cư trú tại thành phố Toyama vào thời điểm ngày 1 tháng 1, và có thu nhập trong năm trước, sẽ trở thành người có nghĩa vụ nộp thuế (người phải đóng thuế).

Thuế cư trú được tính bằng cách lấy thu nhập chịu thuế của năm trước nhân với thuế suất, sau đó cơ quan thuế sẽ gửi thông báo số tiền thuế phải nộp.

Thuế môi trường rừng áp dụng đối với người bị tính thuế cư trú và được nộp cùng với thuế cư trú.

Về phương thức nộp thuế, có hai hình thức. Thứ nhất là hình thức khấu trừ qua lương, công ty sẽ chia số thuế phải nộp thành 12 lần trong năm và khấu trừ trực tiếp từ tiền lương hàng tháng để nộp thay cho người lao động. Thứ hai là hình thức tự nộp, theo đó cá nhân người nộp thuế sẽ chia thành 4 lần trong năm và nộp trực tiếp cho cơ quan có thẩm quyền theo giấy thông báo.

(2) Thuế thu nhập

(Nơi liên hệ: Chi cục Thuế Toyama. Địa chỉ: 1-5-13 Marunouchi, thành phố Toyama –

Tòa nhà cơ quan hợp nhất Toyama Marunouchi, TEL 076-432-4191 (tổng đài))

Những đối tượng sau đây có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập:

① Người có địa chỉ cư trú tại Nhật Bản

Thuế thu nhập được áp dụng đối với các khoản thu nhập phát sinh cả trong và ngoài lãnh thổ Nhật Bản.

② Người không có địa chỉ cư trú tại Nhật Bản

Chỉ phải nộp thuế đối với thu nhập phát sinh trong phạm vi Nhật Bản.

在留中に様々な事情により手続きが必要となった場合や
手続きが必要なのかわからないときは、「名古屋出入国在留
管理局 富山出張所」または「外国人在留総合インフォメ
ーションセンター」へ相談や問い合わせをしてください。

3. 税金について

(1) 住民税・森林環境税

〔問合せ先：市民税課 TEL 076-443-2032〕



住民税は、市民税と県民税から成り立っています。

1月1日現在富山市に住民登録があり、前年所得のある方は納税義務者（税金を払う必要がある人）となります。

前年中の課税所得に、税率を乗じて、住民税を算出して税額通知書を送付します。

森林環境税は住民税が課税される方が納税義務者となり住民税とあわせて納付します。

納付方法は、事業所が年12回に分けて給与から徴収して納める方法と本人が年4回に分けて納税通知書で直接納める方法があります。

(2) 所得税〔問合せ先：富山税務署 富山市丸の内一丁目5-13

富山丸の内合同庁舎 TEL 076-432-4191 (代表)〕

次の方々は、納税義務者になります。

① 日本に住所のある方

日本国内、国外で生ずる所得について所得税がかかります。

② 日本に住所のない方

日本国内で生ずる所得についてのみ所得税がかかります。

Có hai hình thức thực hiện thủ tục nộp thuế:

***Chế độ tự kê khai thuế:**

Người nộp thuế tự tính thu nhập của mình trong 1 năm và thực hiện kê khai, nộp thuế trong thời gian quy định(từ ngày 16/2 đến ngày 15/3 của năm tiếp theo).

***Chế độ khấu trừ thuế tại nguồn:**

Khi chi trả các khoản thu nhập nhất định (như tiền lãi, cổ tức, tiền lương, thù lao...), bên chi trả sẽ khấu trừ trước thuế thu nhập và nộp cho Nhà nước.

(3) Thuế tài sản cố định

(Nơi liên hệ: Phòng Thuế tài sản – TEL 076-443-2034)



Mỗi năm, tại thời điểm ngày 1 tháng 1, những người sở hữu đất đai, nhà ở hoặc tài sản khấu hao (như công trình xây dựng, máy móc, dụng cụ, thiết bị sử dụng cho hoạt động kinh doanh...) trong phạm vi thành phố Toyama sẽ phải nộp thuế tài sản cố định. Số thuế phải nộp được tính bằng cách lấy giá trị tính thuế của từng loại tài sản nhân với thuế suất và được chia làm 4 lần trong năm để nộp

(4) Thuế quy hoạch đô thị

(Nơi liên hệ: Phòng Thuế tài sản – TEL 076-443-2034)

Hàng năm tính thời điểm ngày 1 tháng 1 những người có sở hữu đất hoặc nhà nằm trong khu vực quy hoạch đô thị hóa của thành phố Toyama sẽ phải nộp thuế quy hoạch đô thị cùng với thuế tài sản cố định.

(5) Thuế xe hạng nhẹ

(Nơi liên hệ: Phòng Thuế thị dân – TEL 076-443-2031)



Hàng năm tính thời điểm ngày 1 tháng 4 những người có sở hữu xe gắn máy dưới 50cc, xe ô tô hạng nhẹ, xe đặc chủng hạng nhỏ, xe máy 2 bánh loại nhỏ sẽ có giấy thông báo và sẽ phải nộp thuế hạn đến cuối tháng 5

(6) Thuế ô tô

(Nơi liên hệ: Trung tâm Thuế ô tô – Cục Thuế tổng hợp tỉnh Toyama)

Địa chỉ: 39-6 Baba, Shinjo-machi, thành phố Toyama, TEL 076-424-9211



納税手続きには、申告納税制度と源泉徴収制度があります。

申告納税制度:

納税者が自分の1年間の所得を計算し、一定の期間内(翌年2月16日～3月15日)に申告し、税金を納付する制度。

源泉徴収制度:

特定の所得(利子・配当・給与・報酬など)を支払う際に所得税などをあらかじめ徴収して国に納付する制度。

(3) 固定資産税 [問合せ先: 資産税課 TEL 076-443-2034]

毎年1月1日現在で、富山市内に土地、家屋、償却資産(事業を行う場合に使用する構築物、機械、工具、備品など)を所有している方は、それぞれの課税標準額に税率を乗じた額を固定資産税として年4回に分けて納めていただきます。



(4) 都市計画税 [問合せ先: 資産税課 TEL 076-443-2034]

毎年1月1日現在で、富山市内の市街化区域内に土地、家屋を所有している方は、固定資産税と合わせて納めていただきます。

(5) 軽自動車税 [問合せ先: 市民税課 TEL 076-443-2031]

毎年4月1日現在で、原動機付自転車、軽自動車、小型特殊自動車、二輪の小型自動車などを所有している方は、納税通知書により、5月末までに納めていただきます。



(6) 自動車税 [問合せ先: 富山県総合県税事務所自動車税センター

富山市新庄町馬場39-6 TEL 076-424-9211]



Thời điểm ngày 1 tháng 4 những người có sở hữu xe gắn máy trên 600cc nhiều hơn 3 bánh sẽ có giấy thông báo và sẽ phải nộp thuế hạn đến cuối tháng 5

4. Bảo hiểm y tế quốc dân

(Nơi liên hệ: Phòng Bảo hiểm – Lương hưu, TEL 076-443-2064~2066)

Bảo hiểm y tế quốc dân là chế độ dành cho những người có đăng ký cư trú tại thành phố Toyama và chưa tham gia bất kỳ loại bảo hiểm y tế nào khác. Các thành viên gia đình sống cùng cũng thuộc diện tham gia tương tự.

Khi đăng ký tham gia, vui lòng mang hộ chiếu của người tham gia đến làm thủ tục tại quầy bảo hiểm của tòa thị chính hoặc các cơ quan liên quan.

Ngoài ra, trong các trường hợp khi chuyển ra khỏi thành phố Toyama hoặc khi đã tham gia một loại bảo hiểm y tế khác cần thực hiện thủ tục đăng ký bỏ hủy bỏ tư cách bảo hiểm.

Theo chế độ Bảo hiểm y tế quốc dân, khi khám chữa bệnh tại bệnh viện hoặc các cơ sở y tế,... người tham gia bảo hiểm sẽ chỉ phải thanh toán 20% hoặc 30% chi phí khám chữa bệnh.

Khi khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế, vui lòng xuất trình một trong các giấy tờ sau tại quầy tiếp nhận: Giấy xác nhận tư cách tham gia bảo hiểm (thẻ bảo hiểm, giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm hoặc thẻ My Number đã đăng ký chức năng sử dụng tương tự như thẻ bảo hiểm y tế).

5. Đăng ký khai sinh

(Nơi liên hệ: Phòng Thị dân, TEL 076-443-2075)

Ngay cả trong trường hợp là người nước ngoài, nếu em bé được sinh tại Nhật Bản, cần phải nộp Giấy khai sinh đến Ủy ban thành phố trong vòng 14 ngày sau khi sinh.

Nếu cả cha và mẹ đều là người nước ngoài, cần thực hiện thêm thủ tục đăng ký khai sinh tại Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của nước mình.

Giấy tờ cần thiết: Giấy khai sinh, Giấy chứng sinh do bác sĩ cấp.



毎年4月1日現在で、660ccを超える三輪以上の自動車を所有している方は、納税通知書により、5月末までに納めていただきます。

4. 国民健康保険

【問合せ先：保険年金課 TEL 076-443-2064~2066】

国民健康保険は、富山市に住 民登録があり、ほかの健康保険に加入していない方が加入することになっており、同居する家族の方も同様です。

加入する場合は、加入する方のパスポートを持って、市役所などの窓口で届出をしてください。

また、富山市から転出するときや、ほかの健康保険に加入した場合は、資格喪失の届出をしてください。

国民健康保険では、病院などを受診した場合、かかった医療費のうち2割または3割を自己負担額として支払っていただきます。

医療機関などを受診するときは必ず加入している健康保険がわかるもの（資格確認書または健康保険証の利用登録をしたマイナンバーカード）を窓口へ提示してください。

5. 出生届 [問合せ先：市民課 TEL 076-443-2075]

外国人の場合でも日本で出生した場合は、出生後14日以内に市役所に出生の届出をしてください。

両親が外国人の場合は、自国の在日大使館または領事館にも届出をしてください。

必要書類：出生届と医師の出生証明書



6. Đăng ký kết hôn

(Nơi liên hệ: Phòng Thị dân, TEL 076-443-2075)

Khi kết hôn với người Nhật, vui lòng nộp hồ sơ tại Ủy ban thành phố.

Giấy tờ cần thiết:

- Giấy đăng ký kết hôn,
- Giấy chứng nhận quốc tịch (có thể thay bằng hộ chiếu)
- Giấy khai sinh và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kết hôn do Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán của cấp (trong một số trường hợp có thể thay thế bằng bản tuyên thệ).

※ Đối với các giấy tờ viết bằng tiếng nước ngoài, cần phải dịch sang tiếng Nhật, kèm theo chữ ký của người dịch)



7. Đăng ký khai tử

(Nơi liên hệ: Phòng Thị dân, TEL 076-443-2075)

Khi người mang quốc tịch nước ngoài qua đời, thành viên gia đình sống cùng cần nộp Giấy khai tử tại Ủy ban thành phố trong vòng 7 ngày.

Giấy tờ cần thiết: Giấy khai tử (kèm theo giấy xác nhận của bác sĩ).



8. Bảo hiểm điều dưỡng

(Nơi liên hệ: Phòng Bảo hiểm điều dưỡng, TEL 076-443-2041)

Chế độ bảo hiểm điều dưỡng nhằm đáp ứng vấn đề xã hội người cao tuổi cần được chăm sóc tăng nhanh.

Để đáp ứng tình trạng thời gian chăm sóc kéo dài và sự già hóa của người chăm sóc, đã có chế độ bảo hiểm chăm sóc dài hạn được thiết lập

Chế độ này quy định rằng trong số những người đang sinh sống trong thành phố, người từ đủ 40 tuổi trở lên có nghĩa vụ đóng phí bảo hiểm chăm sóc dài hạn và cùng nhau chia sẻ chi phí chăm sóc một cách công bằng, nhằm hỗ trợ vấn đề chăm sóc người cao tuổi bằng sự chung tay của toàn xã hội.

Trường hợp người sử dụng dịch vụ bảo hiểm điều dưỡng (đối tượng trên 40 tuổi) thì bản thân hay người nhà đến đăng ký chứng nhận cần điều dưỡng và cần có giấy chứng nhận cần thiết chăm sóc.



5. 婚姻届 (問合せ先: 市民課 TEL 076-443-2075)

日本人と結婚する場合、市役所に次の書類を添えて届出をし

てください。

必要書類:

- ・婚姻届
 - ・国籍証明書 (旅券でも可)
 - ・自国の大使館または領事館発行の出生証明書及び婚姻要件具備証明書 (宣誓書で代用できる場合もあります)
- ※外国語で書かれた書類は翻訳する必要があります。
翻訳には、翻訳者の署名が必要です。



7. 死亡届 (問合せ先: 市民課 TEL 076-443-2075)

外国籍の方が死亡した場合、7日以内に一緒に住む家族の方が

市役所に死亡の届出をしてください。

必要書類: 死亡届 (医師の診断書含む)



8. 介護保険 (問合せ先: 介護保険課 TEL 076-443-2041)

本格的な高齢化社会を迎え、介護を必要とする方の増大や介護期間の長期化、介護する方の高齢化に対応するため、介護保険制度があります。

この制度は、市内に住んでいる方のうち、40歳以上の方が、介護保険料を支払い、公平に介護費用を負担することで、介護問題を社会全体で支えるものです。

介護保険のサービスを利用する場合 (40歳以上の方が対象) は、本人または家族が、介護認定の申請を行い、要介護認定を受けてください。



Trường hợp người sử dụng dịch vụ bảo hiểm điều dưỡng (đối tượng trên 40 tuổi) thì bản thân hay người nhà đến đăng ký chứng nhận cần điều dưỡng và cần có giấy chứng nhận cần thiết chăm sóc.

Trường hợp sử dụng dịch vụ bảo hiểm chăm sóc phải trả 10% kinh phí. Một bộ phận sẽ phải trả 20% đến 30% kinh phí.

Cụ thể về sử dụng dịch vụ điều dưỡng hay phí bảo hiểm hãy liên lạc với phòng ban liên quan.

9. Chế độ hưu trí

(Nơi liên hệ: Phòng Bảo hiểm – Hưu trí, TEL 076-443-2067

Văn phòng Hưu trí Toyama, TEL 076-441-3926)

Hưu trí là chế độ lương hưu công nhằm đảm bảo nguồn thu nhập cho bản thân và gia đình trong các trường hợp như: khi về già, khi bị khuyết tật, hoặc khi người tham gia qua đời.

Tất cả những người từ 20 tuổi đến dưới 60 tuổi có đăng ký địa chỉ cư trú tại Nhật Bản bắt buộc phải tham gia chế độ hưu trí.

Chế độ hưu trí gồm: Hưu trí quốc dân, áp dụng cho tất cả mọi người và Hưu trí phúc lợi, dành cho những người làm việc tại công ty Nhật. Thủ tục tham gia Hưu trí phúc lợi sẽ do công ty nơi bạn làm việc thực hiện.

(1) Tham gia Hưu trí quốc dân

Khi muốn tham gia Hưu trí quốc dân, bạn cần đến Phòng Bảo hiểm – Hưu trí tại Ủy ban thành phố.

Giấy tờ cần thiết: Thẻ lưu trú, Hộ chiếu

介護保険のサービスを利用した場合は、原則として介護費用の1割を負担することになります。一部の方は2割負担や3割負担となります。

詳しい介護サービスの利用や保険料については、担当課にお問い合わせください。



9. 年金 [問合せ先: 保険年金課 TEL076-443-2067

富山年金事務所 TEL076-441-3926]

年金は年をとったときや、障害者になったとき、亡くなったときに、その人や家族が生活のお金をもらうことができる公的年金のことです。

日本に住所がある20歳以上60歳未満の方は全員加入しなければなりません。

年金には、全ての人が加入する「国民年金」と会社で働いている人が加入する「厚生年金」があります。「厚生年金」の手続きは働いている会社が行うので、確認してください。

①国民年金への加入

「国民年金」に加入する場合は、市役所の保険年金課で手続きをしてください。

必要書類: 在留カード、パスポート

(2) Chế độ nhận tiền hưu trí một lần khi rút khỏi hệ thống

Đối với người nước ngoài chỉ cư trú ngắn hạn tại Nhật, đã tham gia chế độ hưu trí. Khi về nước trong trường hợp đủ điều kiện sẽ được chi trả một phần số tiền đã đóng. Để được hoàn trả tiền hưu trí, trong vòng 2 năm kể từ sau khi về nước cần thực hiện thủ tục đến Cơ quan Hưu trí Nhật Bản.

Giấy tờ cần thiết:

- Đơn yêu cầu nhận tiền thoái trả hưu trí một lần
- Bản sao hộ chiếu
- Giấy tờ chứng minh hiện không còn địa chỉ cư trú tại Nhật
- Sổ hưu trí hoặc giấy thông báo mã số hưu trí cơ bản
- Giấy tờ xác nhận tài khoản ngân hàng của người yêu cầu



② 脱退一時金制度

短期在留で年金制度に加入し、年金を受け取る前に帰国する場合、納めた年金の一部を受け取れる、「脱退一時金制度」があります。帰国後2年以内に日本年金機構に申請し

てください。

必要書類:

- 脱退一時金請求書
- パスポートの写し
- 日本国内に住所を有しないことが確認できる書類
- 年金手帳または基礎年金番号通知書
- 請求者本人の銀行口座が確認できる書類



II. Khi bắt đầu cuộc sống tại Nhật Bản

1. Khi thuê nhà

Khi thuê nhà cần tính toán về cơ cấu gia đình, nơi đi học, nơi đi làm, dự toán về tiền. Thông qua các công ty môi giới địa chất là cách phổ biến nhất. Để tránh những vấn đề xảy ra trong khi hợp đồng nên đi cùng người Nhật có hiểu biết về vấn đề này.

Khi thuê nhà, thông thường cần có người bảo lãnh (người sẽ thay mặt thanh toán tiền thuê nhà trong trường hợp người thuê không thể chi trả), đồng thời phải nộp các khoản chi phí ban đầu như: tiền đặt cọc (khoản tiền dùng để bù đắp khi không thanh toán tiền thuê hoặc làm hư hỏng phòng), tiền lễ (khoản tiền trả cho chủ nhà với ý nghĩa cảm ơn) và phí môi giới (khoản tiền trả cho công ty bất động sản).

Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ trực tiếp với đơn vị kinh doanh bất động sản

Chú ý

- Không được cải tổ nội thất khi không được sự cho phép của chủ nhà
- Trên nguyên tắc là không chấp nhận việc nuôi chó, mèo, những động vật có ảnh hưởng đến người xung quanh như là thú dữ, rắn độc...
- Phải chú ý sử dụng lửa cẩn thận
- Không được cho người khác thuê hay ở cùng nhà mình đã thuê
- Phải liên lạc với chủ nhà hay người quản lý trường hợp vắng nhà trên 15 ngày

II. 生活を始めるにあたって

1. 家やアパートを借りるとき

住宅を借りるときは、自分の家族構成や通勤、予算などを考えて、民間の不動産業者を通じて決めるのが一般的です。契約するときは、トラブルを避けるため、日本人と一緒にいくことをお勧めします。

また、家を借りるときは、通常、保証人（家賃が払えないときに代わりに支払う人）や敷金（家賃が払えなかったり、部屋を壊した時のために支払う初期費用）・礼金（家主にお礼の意味で支払う初期費用）・仲介手数料（不動産会社に支払う初期費用）などが必要です。詳しいことは、不動産業者へお問合せください。

注意事項

- 家主の許可なく改装できません。
- 犬や猫などペット・猛獣・毒蛇などの明らかに近隣に迷惑をかける動物の飼育は、原則として認められません。
- 火の始末には、十分注意してください。
- 借りた部屋を他人に貸すまたは共同住居にすることはできません。
- 15日以上不在になる場合は、家主または管理業者に連絡してください。

(1) Về hội khu phố

Hội khu phố là tổ chức gồm những người dân sống trong cùng một khu vực, cùng nhau hợp tác để xây dựng một môi trường sống an toàn và dễ sinh sống.

Tại địa phương có các hoạt động như: xác nhận quy định về việc đổ rác; hỗ trợ, sơ tán khi xảy ra động đất, mưa lớn; tổ chức lễ hội và hoạt động vệ sinh môi trường. Ngoài ra, còn thực hiện việc phát tài liệu thông tin từ Ủy ban thành phố đến từng hộ gia đình.

Việc tham gia hội khu phố (町内会) không mang tính bắt buộc. Tuy nhiên, khi tham gia, cư dân có thể làm quen với hàng xóm và dễ dàng hỗ trợ lẫn nhau trong trường hợp xảy ra thiên tai. Tùy từng khu vực, có thể có phân công trực vệ sinh tại điểm tập kết rác của khu dân cư.

Mức phí gia nhập và hội phí hàng tháng sẽ khác nhau tùy theo từng hội khu phố



(2) Khi nuôi thú cưng

Hãy xác nhận với chủ nhà xem nơi ở có được phép nuôi thú cưng hay không.

Đăng ký chó và tiêm phòng bệnh dại

(Nơi liên hệ: Trung tâm y tế thành phố Toyama, địa chỉ 459-1 Ninagawa, Toyama

TEL 076-428-1154 hoặc các bệnh viện thú y.)

Người nuôi chó cần thực hiện đăng ký nuôi chó và cho chó tiêm phòng bệnh dại. (Phí đăng ký: 3.000 yên, phí cấp giấy chứng nhận đã tiêm: 550 yên)

Về chi phí tiêm phòng, vui lòng liên hệ trực tiếp với bệnh viện thú y. Việc tiêm phòng bệnh dại cần được thực hiện mỗi năm 1 lần.

Những điều cần lưu ý

- Khi dắt chó ra ngoài, bắt buộc phải dùng dây dắt.
- Nếu chó nuôi cắn người, phải thông báo cho trung tâm y tế.
- Khi đi dạo, nếu chó đi vệ sinh, cần cho vào túi và mang về xử lý.

(1) 町内会について

町内会は、同じ地域に住んでいる人たちが集まり、安全で住みやすいまちをつくるためのグループです。ゴミ出しのルールの確認や地震・大雨のときの避難や助け合い、お祭りや清掃活動などの地域行事があります。また、市役所からの広報紙の配布をしています。町内会への参加は強制ではありませんが、参加すると、近所の人と知り合うことができ、災害のときにも助けやすくなります。地域のゴミ集積場の掃除などの当番がある場合があります。入会金、毎月の会費はそれぞれの町内会によって異なります。

(2) ペットを飼うには

家主にペットが飼えるかを確かめてください。

犬の登録と狂犬病の予防接種について

[問合せ先：保健所 富山市蜷川459-1

TEL 076-428-1154または動物病院]

犬を飼っている方は、登録と狂犬病の予防接種を受けてください。(登録手数料：3,000円、注射済票：550円)

予防接種料については、動物病院へお問合せください。狂犬病の予防接種は、毎年1回受けてください。

注意事項：

- 犬は、外では必ずリードでつないでください。
- 飼い犬が人を噛んだときは、保健所へ届けてください。
- 散歩中に飼い犬がフンをしたときは、袋に入れて持ち帰ってください。

2. Thanh toán các loại phí công cộng

(1) Điện

(Nơi đăng ký: Trung tâm dịch vụ khách hàng Công ty Điện lực Hokuriku,

TEL 0120-77-6453)

Tại Nhật Bản, điện áp sử dụng là 100V, tần số có hai loại 50Hz và 60Hz. Riêng trong tỉnh Toyama, tần số điện là 60Hz. Nếu sử dụng thiết bị điện có điện áp hoặc tần số không phù hợp, có thể gây ra hỏng hóc thiết bị, vì vậy cần chú ý.

Khi bắt đầu sử dụng điện, bạn cần đăng ký với công ty điện lực. Dưới đây là nội dung hướng dẫn về thủ tục đăng ký trong trường hợp thực hiện đăng ký với Hokuriku Electric Power Company.

Trường hợp muốn đăng ký với công ty điện lực khác, vui lòng liên hệ trực tiếp với công ty mà bạn lựa chọn để được hướng dẫn.

1) Đăng ký bắt đầu sử dụng điện

Khi đã xác định được ngày chuyển nhà, hãy đăng ký mở điện sớm nhất có thể. (nên đăng ký qua Internet để thủ tục được nhanh chóng và thuận tiện)

- Đăng ký trực tuyến qua mã QR bên phải
- Gọi điện đến Trung tâm dịch vụ khách hàng của Công ty Điện lực Hokuriku

Khi thông báo ngày bắt đầu và nơi sử dụng điện, bạn sẽ được hướng dẫn về nội dung hợp đồng và mức ampe có thể sử dụng.

2) Thanh toán tiền điện

Hàng tháng, lượng điện sử dụng sẽ được kiểm tra bằng công tơ điện, sau đó Công ty Điện lực Hokuriku sẽ gửi hóa đơn thanh toán (phiếu chuyển khoản) đến cho bạn vào những ngày tiếp theo.



2. 公共料金の支払い

(1) 電気

〔申込窓口：北陸電力株式会社お客さまサービスセンター
TEL 0120-77-6453〕

日本国内では電圧100Vで、周波数は50Hzと60Hzが使われています。富山県内周波数は60Hzです。周波数や電圧が合わないと器具の故障の原因になりますので注意してください。電気の使用を開始するにあたり、電力会社へ申し込みが必要です。以下は、北陸電力株式会社に申し込む場合の手続きを記載してあります。

なお、北陸電力株式会社以外に申し込む場合は、ご希望される電力会社へ確認してください。

1) 使用開始の申込

引越する日が決まったら、以下の方法で、早めに電気使用開始の申し込みをしてください。(インターネットの方がスムーズに手続きできます。)

- 右記QRコードからインターネットで申し込み
- 北陸電力株式会社お客さまサービスセンターへ電話で申し込み

電気を送電する希望日と住所を連絡しますと、契約内容と使用できるアンペアを案内されます。

2) 料金の支払い

毎月、電気の使用量を計量器で確認して、後日、北陸電力株式会社より請求書(振込票)が送られます。



Việc thanh toán có thể thực hiện bằng hóa đơn (phiếu chuyển khoản) tại quầy của ngân hàng hoặc tại cửa hàng tiện lợi. Ngoài ra, bạn cũng có thể sử dụng phương thức trừ tiền tự động từ tài khoản ngân hàng.

Khi muốn đăng ký hình thức này, hãy mang theo sổ ngân hàng, con dấu và biên lai tiền điện gần nhất, đến làm thủ tục tại quầy của ngân hàng mà bạn đang giao dịch.

3) Trường hợp bị mất điện

① Khi chỉ nhà bạn bị mất điện

Nếu thấy cần gạt của aptomat đang ở vị trí tắt, hãy gạt lên để chuyển sang trạng thái Mở. Nếu đã bật lại mà vẫn không có điện, hãy gọi điện liên hệ tới: Trung tâm Dịch vụ Mạng lưới – Công ty Truyền tải và Phân phối Điện Hokuriku, TEL 0120-837-119.

② Khi cả khu vực xung quanh đều mất điện

Đây có thể là do sự cố đường dây điện. Nhân viên của Công ty Truyền tải và Phân phối Điện Hokuriku sẽ tiến hành sửa chữa và cấp điện trở lại. Để đảm bảo an toàn khi điện có thể được cấp lại bất cứ lúc nào, hãy tắt công tắc của các thiết bị như bàn ủi, máy sấy tóc...

③ Trường hợp mất điện do bảo trì

Để phòng tránh sự cố, công ty điện lực sẽ tiến hành kiểm tra hoặc sửa chữa định kỳ. Khi có lịch cắt điện để bảo trì, thông tin sẽ được báo trước bằng bưu thiếp hoặc tờ rơi gửi tới nhà bạn.

4) Khi ngừng sử dụng điện

Khi chuyển nhà hoặc không còn sử dụng điện nữa, cần làm thủ tục thanh toán phần tiền điện còn lại và đăng ký ngừng sử dụng điện.

お支払いは、その請求書（振込票）で銀行などの金融機関の窓口やコンビニエンスストアで行ってください。また、便利な口座振替による方法もあります。預金通帳と印鑑、最近の電気料金領収書を持って、取り引きされている金融機関の窓口で手続きができます。

3)こんなときの停電は

①お宅の電気が消えたとき

安全ブレーカーまたは漏電遮断器の“つまみ”が降りていたら、上げて「入(ON)」にしてください。安全ブレーカーまたは漏電遮断器を「入(ON)」にしても電気がつかない場合は、北陸電力送配電株式会社ネットワークサービスセンター (TEL0120-837119) へ電話で連絡をしてください。

②近所一帯が消えているとき

配電線の故障です。北陸電力送配電の係員が修理し電気を送りますので、いつ電気が送られても危険のないようアイロン、ヘアードライヤーなどのスイッチを切ってください。

③作業停電のとき

事故などで停電が発生しないように、点検や修理をするための停電のときは、あらかじめハガキやチラシでお知らせします。

4)使用をやめるとき

引っ越しなどで電気の使用をやめるときは、電気料金の精算や停電の処理が必要です。

Hãy đăng ký ngừng sử dụng điện sớm nhất có thể.

(đăng ký qua Internet sẽ thuận tiện và nhanh hơn)

- Đăng ký qua Internet bằng mã QR bên phải

- Hoặc đăng ký bằng cách gọi điện đến Trung tâm dịch vụ khách hàng của

Công ty Điện lực Hokuriku



(2) Nước máy

(Nơi liên hệ: Phòng thu phí – Cục Cấp thoát nước thành phố

Địa chỉ: 1-20 Ushijima Honmachi 2-chome, Toyama-shi

Số điện thoại miễn phí chuyên mở/khóa nước: 0120-310-599

Thời gian tiếp nhận: Ngày thường từ 8:30 đến 17:15)



1) Khi chuyển đến (chuyển vào)

Hãy liên lạc bằng điện thoại với Cục phân phối nước thành phố trước 3 ngày bắt đầu sử dụng nước (chú ý ngày liên lạc phải là ngày đi làm của Cục phân phối nước thành phố) thông báo số khách hàng. Trường hợp không biết số hãy thông báo địa chỉ tên tuổi rõ ràng.

2) Khi chuyển đi (chuyển ra)

Khi chuyển nhà hoặc muốn ngừng sử dụng nước, hãy gọi điện thông báo trước 3 ngày làm việc và cung cấp mã số khách hàng (được ghi trong hóa đơn thanh toán hay tờ thông báo lượng sử dụng nước).

※ có thể đăng ký sử dụng hay ngừng sử dụng nước thông qua LINE chính thức của thành phố Toyama hoặc trang web của thành phố.

以下の方法で、早めに電気使用廃止の申し込みをしてください。(インターネットの方がスムーズに手続きできます。)

・右記QRコードからインターネットで申し込み

・北陸電力株式会社お客様サービスセンターへ電話で申し込み



(2) 水道

(問合せ先: 市上下水道局料金課

富山市牛島本町二丁目1-20

開閉栓専用フリーダイヤル 0120-310-599

受付時間: 平日8時30分から17時15分まで)



1) 転入のとき

水道の使用し始める日の3営業日前までに市上下水道局へお電話でお客さま番号をご連絡ください。

お客さま番号がわからないときは、住所(町名・番地・方まで正しく)をお伝えください。

2) 転出のとき

転出、転居などで水道の使用を中止するときは、3営業日前までにお電話でお客さま番号(領収書または水道使用水量等のお知らせに記入してあります)をご連絡ください。

※パソコン・スマートフォンを利用して、富山市公式LINEや市のホームページから水道の使用開始や中止の連絡をすることもできます。

3) Tiền nước

Lượng nước sử dụng sẽ được kiểm tra công tơ 2 tháng một lần.

Tiền nước bao gồm: Phí cố định và phí thực dùng tính theo lượng nước đã sử dụng. Có thể thanh toán bằng hoá đơn tiền nước tại các ngân hàng hoặc tổ chức tài chính...

Ngoài ra, còn có phương thức thanh toán rất tiện lợi bằng chuyển khoản tự động từ tài khoản ngân hàng. Thủ tục đăng ký có thể thực hiện tại quầy của tổ chức tài chính mà bạn đang giao dịch, mang theo: sổ ngân hàng, con dấu và biên lai tiền nước gần nhất, hoặc đăng ký thông qua dịch vụ tiếp nhận chuyển khoản qua Web. Chi tiết vui lòng xem trên trang web của thành phố.

Ngoài ra, bạn cũng có thể thanh toán bằng các ứng dụng thanh toán như: PayPay, auPAY, PayB, Rakuten Bank Combini Payment, J-Coin Pay, dBarai(d払い), FamiPay, Rakuten Pay, AEON Pay.

※ Thông tin tại thời điểm ngày 31/3 năm Reiwa 8 (2026).

4) Khi xảy ra sự cố

(Nơi liên hệ: Trung tâm quản lý cơ sở – Cục Cấp thoát nước thành phố)

Địa chỉ: 1-20 Ushijima Honmachi 2-chome, Toyama-shi, TEL 076-432-8570)

Nếu bạn phát hiện rò rỉ nước hoặc hỏng van ở khu vực gần đồng hồ nước trong khu đất của mình, hãy liên hệ ngay với Cục Cấp thoát nước. Trường hợp xảy ra rò rỉ đường ống trong nhà hoặc hỏng thiết bị, trước tiên hãy khóa van nước chính, sau đó liên hệ với đơn vị thi công thiết bị cấp nước được chỉ định để sửa chữa.



3) 水道料金

すいどうりょうきん



水道の使用量は2か月に1回検針します。

水道料金は、基本料金と使用水量に応じた料金合計からなっています。支払い方法は、納入通知書で銀行などの金融機関またはコンビニエンスストアでお支払いください。

また、便利な口座振替による方法もあります。手続きは預金通帳と印鑑、最近の水道料金領収書を持って取り引きされている金融機関の窓口か、あるいは、Web口座振替受付サービスでできます。詳しくは、市のホームページをご覧ください。

また、スマートフォン決済アプリ (PayPay、auPAY、PayB、楽天銀行コンビニ支払いサービス、J-Coin Pay、d払い、FamiPay、楽天ペイ、AEON Pay) を利用して支払うこともできます。

※利用できるスマートフォン決済アプリは、令和8年3月31日現在です。

4) トラブルが起きたとき

【問合せ先：市上下水道局施設管理センター
富山市牛島本町二丁目1-20 TEL 076-432-8570】

宅地にあるメーター付近で、水もれやバルブの故障を発見した場合は、上下水道局へ連絡してください。また、家の中の水道管の水もれや器具の故障などが起きた場合は、水道の元栓を締めてから指定の給水装置工事事業者へ連絡してください。

3) Gas

(Nơi liên hệ)

Gas đô thị: Trung tâm chăm sóc khách hàng Công ty Nihonkai Gas

Địa chỉ: 2-36 Jouhoku-machi, Toyama-shi

○ Tiếp nhận thông thường: 0570-024-077

○ Đường dây khẩn cấp khi rò rỉ gas: 0570-024-099

Gas LP: Liên hệ với từng cửa hàng cung cấp gas LP nơi bạn đang sử dụng.)



1) Đăng ký bắt đầu sử dụng gas

Vui lòng liên hệ tới Trung tâm chăm sóc khách hàng của Nihonkai Gas (đối với gas đô thị) hoặc cửa hàng cung cấp LP gas ít nhất 3 ngày trước ngày bắt đầu sử dụng. Và nếu trước 4 ngày, bạn có thể đăng ký trực tiếp trên trang web của Nihonkai Gas.

Nhân viên sẽ đến tận nơi, thực hiện: Lắp đặt và kiểm tra thiết bị gas (đối với gas đô thị), hoặc lắp đặt bình gas (đối với LP gas), với sự có mặt của người sử dụng, để đảm bảo bạn có thể dùng gas an toàn.

2) Thanh toán tiền gas

Sau khi kiểm tra chỉ số hàng tháng, hóa đơn tiền gas sẽ được gửi về nhà.

Bạn có thể thanh toán bằng: Tiền mặt, bằng mã QR, hoặc đăng ký thanh toán tự động qua tài khoản ngân hàng / thẻ tín dụng. Nếu muốn dùng hình thức thanh toán tự động, hãy trao đổi trực tiếp với nhân viên phụ trách.

3) Khi phát hiện có rò rỉ gas

Nếu cảm thấy có mùi gas, hãy thực hiện ngay các bước sau: Liên hệ ngay với cửa hàng cung cấp gas. Mở tất cả cửa sổ và cửa ra vào để thông gió. Khóa van gas. Tuyệt đối không sử dụng lửa (bật bếp, hút thuốc, bật công tắc điện...). Vì gas đô thị nhẹ hơn không khí nên cần mở toàn bộ cửa để gas thoát ra ngoài nhanh chóng.

(3) Gas

[問合せ先:]

都市ガス: 日本海ガス株式会社お客様さまコールセンター

富山市城北町2-36

一般受付: 0570-024-077

ガス漏れ専用緊急ダイヤル: 0570-024-099

L P ガス: 各 L P ガス 取扱店]



1) 使用開始の申し込み

使用開始希望日の3日前までに日本海ガス株式会社お客様さまコールセンター(都市ガス)またはLPガス取扱店へお電話で連絡ください。また、4日以降の作業であれば、日本海ガスホームページより受付可能です。

右記QRコードをご参照ください。

係員が訪問し、お客様さま立会いで、ガス器具(都市ガス)またはガスボンベ(LPガス)の設置や点検などをし、ガスを使用できるようにします。

2) 料金の支払い

ガス料金は毎月検針後、請求書が送られてきますので、現金または一部QRコード決済にてお支払いをお願いします。また、便利な銀行口座・クレジットカードからの自動支払いもできますので、係員にお申し付けください。

3) ガス漏れに気づいたら

ガス臭いと感じたらすぐにガス取扱店へ連絡をお願いします。



Hãy mở tất cả cửa để thông gió. Ngoài ra, LP gas nặng hơn không khí, vì vậy hãy mở cửa và dùng chổi quét để đẩy khí gas ra ngoài.

Tuyệt đối không chạm vào các công tắc có thể trở thành nguồn phát lửa như quạt thông gió, đèn điện...

Để phòng ngừa tai nạn, chúng tôi khuyến nghị bạn lắp đặt thiết bị báo rò rỉ gas trong nhà.



4) Đăng ký ngừng sử dụng gas

Khi muốn ngừng sử dụng gas, vui lòng liên hệ tới: Trung tâm chăm sóc khách hàng của Nihonkai Gas (đối với gas đô thị), hoặc cửa hàng cung cấp LP gas liên hệ ít nhất 3 ngày trước ngày. Và nếu trước 4 ngày có thể đăng kí trực tiếp qua web. Nhân viên sẽ đến nhà, kiểm tra lượng gas đã sử dụng.



(4) Phí xem truyền hình NHK

Phí xem NHK là khoản chi phí do người xem đóng góp để phục vụ cho việc sản xuất và phát sóng các chương trình của NHK – Đài truyền hình công cộng Nhật Bản. Những người lắp đặt thiết bị có thể xem được NHK như: Tivi, Máy tính bảng hoặc máy tính có chức năng xem TV, Điện thoại di động, Thiết bị định vị ô tô (car navigation) có chức năng TV,... đều có nghĩa vụ phải thanh toán phí này.

窓やドアを開けてからガス栓を締めて、火気を絶対に使用しないでください。都市ガスは空気より軽いので、すべての窓やドアを開けてください。また、LPガスは空気より重いので、ドアを開け箒などで掃き出してください。

着火源となる換気扇・電灯などのスイッチには絶対に手を触れないでください。

また、事故防止のため、ガス漏れ警報器の取り付けをお勧めします。



4) 使用停止の申し込み

使用停止希望日の3日前までに日本海ガス株式会社お客さまコールセンター（都市ガス）またはLPガス取扱店へお電話で連絡ください。また4日以降の作業であれば、日本海ガスホームページより受付可能です。

右記QRコードをご参照ください。

係員が訪問し、ガスの使用量を確認後に精算をします。



(4) NHK 受信料

NHK受信料とは、日本の公共放送であるNHKの番組製作・放送にかかる費用を視聴者が負担するものです。NHK放送を見ることができるテレビ（テレビ機能が付いたタブレット、パソコン、携帯電話、カーナビ等を含む）を設置している人は受信料を支払う必要があります。料金や支払方法などの詳細は、ホームページをご確認ください。

3. Rác thải

(Noi liên hệ: Trung tâm Môi trường thành phố Toyama.

Địa chỉ: 637 Kuriyama, Toyama-shi, TEL 076-429-5017)

Hãy tuân thủ nghiêm túc quy định đồ rác.

Rác cần được phân loại thành: Rác đốt được, Rác không đốt được, rác tái chế. Vào ngày thu gom đã quy định, hãy cho rác vào túi có thể nhìn thấy bên trong, sau đó mang đến địa điểm tập kết rác của khu dân cư nơi bạn sinh sống.

Hãy buộc chặt miệng túi rác trước khi mang đi vứt.

Không được mang về nhà rác do người khác bỏ lại.



※ Ngày thu gom rác khác nhau tùy từng khu vực. Hãy hỏi người dân xung quanh, và mang rác đến địa điểm quy định của khu phố trước 8 giờ sáng.

※ Thành phố có chuẩn bị tài liệu hướng dẫn cách phân loại và cách bỏ rác bằng các ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Nga, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt và tiếng Indonesia.



4. Ngân hàng

Ngân hàng nghi vào: Thứ Bảy, Chủ nhật, ngày lễ, từ ngày 31/12 đến ngày 3/1.

(1) Những giấy tờ cần thiết khi mở tài khoản ngân hàng

Con dấu ,giấy tờ kiểm tra chính chủ (thẻ ngoại kiều ,trường hợp người có quốc tịch Mỹ,hay người có nghĩa vụ nộp thuế của Mỹ thì có thể cần thêm giấy tờ xác nhận)

Khi mở tài khoản có thể làm thẻ ngân hàng. Nếu có thẻ ngân hàng có thể sử dụng dịch vụ ATM(máy nhận , trả tiền tự động) và dịch vụ CD (máy trả tiền tự động)mà không phải đi đến ngân hàng

Trường hợp giao tiếp bằng tiếng Nhật không tốt thì hãy nhờ những người hỗ trợ bạn lâu dài (người làm cùng công ty hay trường học) để phiên dịch.

3. ごみ〔問合せ先：富山市環境センター

富山市栗山637 TEL 076-429-5017〕

ゴミ出しのルールは必ず守りましょう。

ごみは燃やせるごみ、燃やせないごみ、資源ごみに分け、決められた収集日に中身の見える袋に入れて町内で決められた場所に出してください。

ごみの袋の口はしっかり縛ってください。

他の人が捨てたごみは持ち帰らないでください。



※ごみの収集日は地域によって異なります。近所の人にたずねて町内の決められた場所に、午前8時までに出してください

※家庭ごみの分け方・出し方（英語・中国語・韓国語・ロシア語・ポルトガル語・ベトナム語・インドネシア語）を用意していますので、ご利用ください。



4. 銀行

土曜日、日曜日、祝日、12月31日～1月3日はお休みです。

(1) 預金口座を開設するとき必要なもの

印鑑、ご本人様を確認できる書類（在留カード、米国籍を保有しているなど米国納税義務者である場合、追加の確認書類などをいただくことがあります）。口座を開設する際にキャッシュカードの発行も申し込みます。カードがあると窓口に行かずATM（現金自動預払機）を利用することができます。

日本語でのコミュニケーションに不安がある場合は、あなたのことを継続的にサポートしてくれる人（あなたの所属する職場や学校の人）に通訳をお願いしてください。

(2) Khi thay đổi địa chỉ hoặc thời hạn lưu trú

Khi có thay đổi về: Địa chỉ, Thời hạn lưu trú, Tư cách lưu trú, Nơi làm việc,... bạn cần liên hệ ngay với ngân hàng nơi đã mở tài khoản. Ngoài ra, ngân hàng có thể chủ động liên lạc với bạn để xác nhận xem thông tin cá nhân có thay đổi hay không. Nếu bạn không thông báo khi có thay đổi về địa chỉ, thời hạn lưu trú, tư cách lưu trú hoặc công việc,

hoặc không thực hiện các yêu cầu do ngân hàng yêu cầu, thì có thể sẽ không sử dụng được tài khoản ngân hàng.

(3) Hủy tài khoản ngân hàng khi không còn sử dụng

Trường hợp về nước không sử dụng tài khoản ngân hàng thì vui lòng làm thủ tục đóng (hủy) tài khoản ngân hàng. Có thể làm thủ tục tại quầy ngân hàng.

(4) Thanh toán tự động các khoản phí công cộng từ tài khoản ngân hàng

Tiền nước, ga, điện, điện thoại có thể trả tự động qua tài khoản. Đối với các loại thanh toán đều như nhau, hãy mang theo sổ ngân hàng, con dấu (sử dụng cho sổ ngân hàng) và hóa đơn thanh toán tháng trước đến ngân hàng để đăng ký.

(2) 住所や在留期限が変わったとき

住所、在留期限や在留資格、仕事先などの情報に変更があった場合は、口座を作った銀行にすぐ連絡してください。また、あなたの情報に変更がないか確認するため、銀行から連絡が来る場合があります。住所や在留期限や在留資格、仕事が変わったときに連絡しなかったり、銀行から求められた対応をしなかったりすると、口座を使えなくなる場合があります。

(3) 使わない銀行口座の解約

帰国などにより銀行口座を利用しなくなる場合は、銀行口座を解約してください。銀行店舗で解約の手続きができます。

(4) 公共料金の口座からの自動支払い

水道や都市ガス、電気、電話などの使用料金は、口座から自動支払いすることができます。手続きはどの料金の場合でも同じで、預金口座の開設銀行に通帳、預金口座の開設に使用した印鑑並びに自動支払いする使用料金の前月分の領収書を持参して申し込んでください。

III. Về việc học tiếng Nhật

Những cư dân người nước ngoài có nhu cầu học tiếng Nhật có thể tham gia học tại các lớp tiếng Nhật trong thành phố.

Các địa điểm tổ chức lớp học tiếng Nhật:

- Hiệp hội Giao lưu Quốc tế Thành phố Toyama

Địa chỉ: 1-2-3 Shintomi-chō, Toyama-shi, TEL 076-444-0642

- Học viện Quốc tế Toyama

Địa chỉ: Tòa nhà Ota, 2-5-13 Shibazono-chō, Toyama-shi, TEL 076-441-9360

- Toyama Japonica

Địa chỉ: 3-5-12 Oizumi-machi, Toyama-shi, TEL 076-423-2737

- Toyama Guide Club

Địa chỉ: 3-1 Okuda Shinmachi, Toyama-shi, TEL 090-8092-5078

- Hội Giáo viên tiếng Nhật “Yūyū”

Địa chỉ: 4178-15 Gofuku, Toyama-shi, TEL 076-442-1435

Để biết thông tin chi tiết về lịch học, học phí và cách đăng ký, vui lòng liên hệ trực tiếp với từng lớp học trước khi tham gia.

Ngoài ra, bạn cũng có thể học tiếng Nhật miễn phí thông qua trang web của Bộ Giáo dục

– Văn hóa – Thể thao – Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (MEXT) có tên:

“Tsunagaru Hirogaru – Cuộc sống bằng tiếng Nhật”.



III. 日本語学習について

日本語を学びたい外国人住民を対象に、市内にある日本語教室などで日本語の勉強ができます。

とやまし市民国際交流協会
Toyama International Exchange Association

とやまし新富町一丁目2-3
Toyama Shintomi 1-chome 2-3

TEL 076-444-0642

とやまこくさいがくいん
Toyama International Academy

とやまししほぞのちょうにちようめ
Toyama Shibazono-chou Nitchoume

TEL 076-441-9360

トヤマ・ヤポニカ

とやましおおいずみまちさんちようめ
Toyama Ooizumi-machi Sanchiyoume

TEL 076-423-2737

富山ガイドクラブ

とやましおくだしんまち
Toyama Okudashinmachi

TEL 090-8092-5078

にほんごきょうしかい
Nihongo Kyoushikai

とやましごふく
Toyama Gofuku

TEL 076-442-1435

くわ かくきょうしつ じぜん とい あ
詳しくは、各教室へ事前にお問い合わせください。

また、文部科学省のサイト「つながるひろがるにほんごでのくら
し (TSUNAHIRO)」で日本語を無料で学習することができます。



IV. Thông tin khẩn cấp và an toàn

1. Số điện thoại liên lạc khi khẩn cấp và những từ cần thiết

Khi muốn gọi cứu hỏa hoặc xe cấp cứu: → 119

Khi muốn báo cho cảnh sát (tai nạn giao thông, tội phạm...): → 110

Các từ quan trọng dùng khi khẩn cấp

(Gọi cứu hỏa – 119)

Kaji: Cháy	Kyukyu: Cấp cứu
------------	-----------------

(Gọi cảnh sát – 110)

Jiko: Tai nạn	Jiken: Án mạng
---------------	----------------

Nếu trường hợp gây ra cháy cần hô to để được sự trợ giúp của những người xung quanh và ngay lập tức gọi cứu hỏa 119.

Khi gọi nhớ bình tĩnh nói rõ tên địa chỉ vật bị cháy thông báo có người bị thương hay không. Trong khi thông báo lửa cháy to lên hay khói lan tỏa ra nhiều hãy nhanh chóng thoát ra. Để thông báo một cách rõ ràng và nhanh chóng hãy ghi ra giấy địa chỉ, tòa nhà làm mục tiêu và dán ở gần điện thoại.

Để kiểm tra có thể có cuộc gọi lại nên đừng tắt nguồn điện thoại.

Và nhớ kiểm tra vị trí bình cứu hỏa và cách sử dụng

IV. 緊急・安全情報

1. 緊急時の通報番号と必要な用語

火事または救急車を呼びたいとき…………… 119番
警察(交通事故や犯罪)へ通報したいとき…………… 110番

緊急時に必要な用語

(消防 119)

火事……………Kaji	救急……………Kyukyu
-------------	---------------

(警察 110)

事故……………Jiko	事件……………Jiken
-------------	--------------

もし、火事を起こしてしまったら、大声で「火事だ」と叫んで他の人の協力を求め、すぐ119番で火事を通報します。

通報は落ち着いて、住所、名前、燃えているもの、けが人がいるかを通報してください。通報中に火が大きくなったり、煙がひどくなったりした場合は、素早く避難してください。通報をスムーズに行うためにあなたの住所や目標になる建物をメモしておくとい良いでしょう。

折り返し確認の電話をすることがありますので、電話の電源を切らないでください。

また、消火器の場所と使い方を確認しておきましょう。

2. Các biện pháp đối phó với thiên tai chủ yếu



(1) Động đất

Nhật bản có rất nhiều động đất. Trường hợp xảy ra động đất để hành động một cách bình tĩnh thì việc nắm chắc những cách đối phó đúng là rất quan trọng

1) Khi xảy ra động đất

- Không chạy ngay ra ngoài mà hãy chui xuống gầm bàn để bảo vệ an toàn thân thể. Nếu có nệm để ngồi hãy dùng để bảo vệ đầu của bạn. Không vội vàng chạy ra ngoài mà đợi cho chấn động lớn giảm đi, hãy hành động một cách bình tĩnh
- Sau chấn động trước khi di tản hãy đóng van ga, rút nguồn điện của đồ điện tử.
- Di tản bằng cách đi bộ, vách núi bờ sông là những nơi nền đất không chắc dễ sạt lở nên hãy tránh xa. Vật dụng cầm theo ở mức tối thiểu.

2) Chuẩn bị từ ngày thường

- Hãy chuẩn bị túi đồ ăn dùng trong trường hợp khẩn cấp, đồ uống, đèn pin, radio, pin, dép, tiền mặt, vật dụng bằng vải
- Dùng những phụ kiện kim loại để cố định những đồ nội thất dễ đổ
- Kiểm tra trước những chỗ tránh nạn (trường tiểu học, cấp 2, công viên)
- Quyết định trước mạng lưới liên lạc, người thân, người quen có thể chuyển thông tin an toàn khi xảy ra động đất. (Cụ thể tham khảo Bản đồ)
- Bảng hướng dẫn phòng chống thiên tai dành cho người nước ngoài)



2. 主な災害対策



(1) 地震

日本ではよく地震があります。いざというときに落ちついて行動できるよう、日頃から地震の際の正しい心構えを身につけておくことが大切です。

1) 地震が発生したとき

- すぐに外に飛出さないで、机やテーブルなどの下に隠れて身の安全を守りましょう。また、クッションなどがあれば、頭部を保護しましょう。
- 地震後に避難する場合は、ガス器具は元栓を締め、ストーブなどの電気器具は電源プラグを抜いてから避難しましょう。
- 避難は徒歩で、崖や川べりなど地盤のゆるみで崩れやすくなっている場所から遠ざかりましょう。持物は最小限にしましょう。

2) 日頃からの備え

- 非常用の食料、飲料水、懐中電灯、ラジオ、電池、スリッパ、現金、衣類などをリュックなどに入れて用意しておきましょう。
- 家具などの倒れやすいものは、倒れないようにトメ金などで固定しておきましょう。
- 近くの避難場所(小・中学校、公園など)を確認しておきましょう。
- 地震時に安否情報の取次ぎをしてもらえる知人などを決めておきましょう。また、携帯電話会社の「災害用伝言板」の活用を家族で決めておきましょう。

詳しくは外国人のための防災マニュアル・マップ参照



(2) Gấu gấu hoang

Tại thành phố Toyama, vào mùa thu thường xuất hiện gấu hoang xuống khu vực dân cư để tìm thức ăn và có thể gây nguy hiểm cho con người.

Nên tránh ra ngoài vào sáng sớm và chiều tối – thời điểm gấu dễ xuất hiện. Hãy cố gắng đi theo nhóm nhiều người, không nên đi một mình. Khi đi bộ bên ngoài, hãy mang theo chuông chống gấu hoặc tạo tiếng động để gấu nhận biết có người. Hãy thường xuyên kiểm tra thông tin về khu vực gấu hoang xuất hiện, và tuyệt đối không đến gần những khu vực đã có thông báo gấu xuất hiện.



(3) Tuyết

Tại thành phố Toyama, vào mùa đông nhiệt độ xuống thấp, tuyết rơi nhiều và nước máy có thể đóng băng.

1) Những điều cần chú ý khi ra ngoài

Trên mặt tuyết và băng rất dễ trơn trượt. Khi đi trên đường tuyết hoặc mặt đường đóng băng, nên đi giày mùa đông có đế chống trượt hoặc ủng, bước với khoảng cách ngắn.

Cần chú ý tuyết rơi từ mái nhà hoặc các cột băng. Khi đi bộ, hãy đi cách xa tòa nhà một chút để đảm bảo an toàn.

Do ảnh hưởng của tuyết, tàu điện và xe buýt có thể bị chậm hoặc ngừng hoạt động. Trước khi xuất phát, hãy kiểm tra thông tin vận hành.

(2) クマ

富山市では、秋にクマのえきになるドングリなどが山で少ない場合、クマがえきを求めて山から下りてきて人間に危害を加えることがあります。

クマが活発になる朝夕の行動は避け、複数人で行動するようになしましょう。外を歩く場合には、クマ鈴を身につけるなど人の存在を知らせるため音を出しましょう。クマ情報を確認し、クマが出た場所には近づかないようにしましょう。

富山くまっぶ クマ出没情報



(3) 雪

富山市では、冬になると気温が低くなり、多くの雪が降ったり、水が凍ったりします。

1) 外出するときの注意点

雪や氷の上は大変滑りやすいです。雪道や凍った路面を歩くときは、すべり止めのついた冬用の靴や長靴を履き、小さな歩幅で靴の裏全体で地面を踏むように歩くとよいです。

また、建物の屋根からの落雪やつららに注意しましょう。外を歩くときは建物から少し離れたところを歩きましょう。

雪の影響で電車やバスなどの公共交通機関が遅れたり、運休したりする場合があります。出発前に運行情報を確認し、時間に余裕を持った行動をしましょう。

2) Những điều cần chú ý trong sinh hoạt tại nhà

Khi tuyết tích nhiều, hãy dùng xẻng để xúc tuyết trước nhà.

Tuyết đã xúc ra không được đổ ra lòng đường hoặc ném sang nhà bên cạnh.

Khi nhiệt độ xuống dưới -3°C , đường ống nước rất dễ bị đóng băng, dẫn đến vỡ ống hoặc rò rỉ nước. Đối với những đường ống dễ bị đóng băng, nên quấn vật liệu giữ nhiệt quanh ống nước, vào ban đêm nên mở vòi rỉ vòi nước.

Nếu nước bị đóng băng và không chảy ra được, hãy phủ khăn lên vòi rồi từ từ đổ nước ấm để làm tan băng. Tuyết đối không dùng nước sôi vì có thể làm hỏng ống.



3) Những điều cần chú ý khi lái ô tô và đi xe đạp

① Khi lái ô tô

Nếu bạn không quen lái xe trên đường tuyết, nên hạn chế lái xe hết mức có thể. Khi buộc phải lái xe hãy: hãy lắp lốp mùa đông (lốp chống trượt – studless) hoặc xích chống trượt cho bánh xe

Hãy giảm tốc độ và luôn chú ý lái xe cẩn thận. Tránh phanh gấp, đánh lái gấp, tăng tốc đột ngột và chuyển làn đột ngột; hãy giữ khoảng cách với xe phía trước rộng hơn bình thường. Tuyết tích trên nóc xe có thể đổ xuống kính chắn gió khi phanh, gây nguy hiểm, vì vậy hãy dọn sạch tuyết trên xe trước khi lái.

② Khi đi xe đạp

Nếu trên mặt đường có tuyết tích hoặc bị đóng băng, tuyết đối không nên đi xe đạp vì rất nguy hiểm.

2) 自宅・生活での注意点

雪が積もった場合は、スコップなどを使い自宅前の雪かきをしましょう。雪かきで出した雪は道路や隣の家^に捨てないようにしてください。

気温がマイナス 3°C 以下になると、凍結のため水道管が破裂・漏水しやすくなります。凍りやすい水道管には保温材を巻きつけたり、夜間に水が糸を引く程度に蛇口を開けておいたりしましょう。凍って水が出ないときは蛇口などにタオルをかぶせ、ゆっくりぬるま湯をかけて溶かします。



3) 自動車・自転車を運転するときの注意点

① 自動車の運転

雪道での運転に慣れていない場合は、極力運転を控えましょう。運転するときは、スタッドレスタイヤまたはタイヤチェーンを装着してください。

スピードを落と^して慎重に運転することを心がけましょう。急ブレーキ、急ハンドル、急加速、急な車線変更はせず、前の車との車間距離は多めに取^りましょう。車の屋根に積もった雪はブレーキ時にフロントガラスへ雪崩を起^こし危険なため、車の雪を下^ろしてから運転しましょう。

② 自転車の運転

路面に雪が積もっている場合や、路面が凍っている場合は、危ない^{ので}運転しないでください。

V. Quản lý sức khỏe

Nơi liên hệ:

- Trung tâm Y tế – Phúc lợi Trung ương
(Thành phố Toyama, Hoshii-chō 2-7-30), TEL 076-422-1172
- Trung tâm Y tế – Phúc lợi phía Nam
(Thành phố Toyama, Ninagawa 459-1, trong khu Sở Y tế), TEL 076-428-1156
- Trung tâm Y tế – Phúc lợi phía Bắc
(Thành phố Toyama, Iwase Bunkamachi 23-2), TEL 076-426-0050
- Trung tâm Y tế – Phúc lợi Ōsawano
(Thành phố Toyama, Takauchi 365), TEL 076-467-5812
- Trung tâm Y tế – Phúc lợi Ōyama
(Thành phố Toyama, Kamidaki 567), TEL 076-483-1727
- Trung tâm Y tế – Phúc lợi Yatsuo
(Thành phố Toyama, Yatsuo-machi Fukushima 200), TEL 076-455-2474
- Trung tâm Y tế – Phúc lợi phía Tây
(Thành phố Toyama, Fuchū-machi Hane 1105-7), TEL 076-469-0770



1. Khám tầm soát ung thư

- Nơi liên hệ: Sở Y tế thành phố Toyama (Thành phố Toyama, Ninagawa 459-1)
TEL 076-428-1153

(1) Khám tầm soát ung thư dạ dày và ung thư phổi

Những người từ 40 tuổi trở lên (người tham gia bảo hiểm quốc dân, người nhà của người tham gia bảo hiểm). Sẽ có giấy thông báo đến những người thuộc đối tượng. Có thể khám theo một trong các hình thức sau:

- ① Khám tại các xe khám lưu động : Tiến hành khám tại các địa điểm khám tập trung
- ② Khám tại những trụ sở y tế : Các trụ sở y tế được ủy quyền có khám từ tháng 5 đến tháng 12

V. 健康管理

【問合せ先】 中央保健福祉センター
(富山市星井町二丁目7-30) TEL 076-422-1172

南保健福祉センター
(富山市蛸川459-1保健所内) TEL 076-428-1156

北保健福祉センター
(富山市岩瀬文化町23-2) TEL 076-426-0050

大沢野保健福祉センター
(富山市高内365) TEL 076-467-5812

大山保健福祉センター
(富山市上滝567) TEL 076-483-1727

八尾保健福祉センター
(富山市八尾町福島200) TEL 076-455-2474

西保健福祉センター
(富山市婦中町羽根1105-7) TEL 076-469-0770



1. がん検診

【問合せ先】 保健所 富山市蛸川459-1 TEL 076-428-1153

(1) 胃がん・肺がん検診

40歳以上の方 (国民健康保険の被保険者や健康保険加入者の家族など) は、検診を受けることができます。対象者には個別に通知します。

次のいずれかの方法で受診できます。

- ① 集団検診車による方法… 集団検診会場で検診を行っています。(一部地域でのみ実施)
- ② 医療機関検診による方法… 市内の指定病院・医院で5月から12月まで随時受けることができます。

(2) Khám tầm soát ung thư cổ tử cung và ung thư vú

Những đối tượng sau được khám: phụ nữ trên 20 tuổi khám ung thư tử cung, trên 40 tuổi khám ung thư vú (người tham gia bảo hiểm quốc dân, người nhà của người tham gia bảo hiểm) Sẽ có giấy thông báo đến những người thuộc diện đối tượng. Khám 2 năm 1 lần.

Bạn có thể thăm khám bằng 1 trong 2 cách sau

- ① Khám tại các xe khám lưu động : Tiến hành khám tại các địa điểm khám tập trung
- ② Khám tại những trụ sở y tế : Các trụ sở y tế được ủy quyền có khám từ tháng 5 đến tháng 12

(3) Khám tầm soát ung thư đại tràng

Người từ 40 tuổi trở lên (người tham gia Bảo hiểm Y tế Quốc dân và gia đình của người tham gia bảo hiểm y tế, v.v.) có thể khám tại các bệnh viện, phòng khám được chỉ định trong thành phố từ tháng 5 đến tháng 12 vào bất cứ thời điểm nào trong thời gian này.

Những người thuộc đối tượng sẽ được thông báo riêng.

2. Hoạt động tăng cường sức khỏe

Thành phố sẽ hướng dẫn và tư vấn các hoạt động giúp nâng cao sức khỏe cá nhân từ các lĩnh vực: dinh dưỡng, vận động, y tế – chăm sóc sức khỏe.

Các lớp học và chương trình về chăm sóc sức khỏe sẽ được thông báo trên báo thông tin của thành phố.

3. Tiêm chủng dự phòng

(Nơi liên hệ: Phòng Y tế Dự phòng – Sở Y tế, TEL 076-428-1152)

Tất cả các mũi tiêm chủng dự phòng đều được thực hiện theo hình thức tiêm cá nhân tại các cơ sở y tế.



(2) 子宮がん・乳がん検診

子宮がん検診は20歳以上、乳がん検診は40歳以上の女性（国民健康保険の被保険者や健康保険加入者の家族など）が、検診を受けることができます。対象者には、個別に通知します。なお、2年に1回の受診となります。

次のいずれかの方法で受診できます。

- ① 集団検診車による方法…集団検診会場で検診を行っています。
- ② 医療機関検診による方法…市内の指定病院・医院で5月から12月まで随時受けることができます。

(3) 大腸がん検診

40歳以上の方（国民健康保険の被保険者や健康保険加入者の家族など）は、市内の指定病院・医院で5月から12月まで随時受けることができます。対象者には、個別に通知します。

2. 健康づくり

栄養、運動、保健の分野から個人に適した健康づくり活動のための指導、助言をします。

各種健康づくり教室は、市の広報紙にて案内します。

3. 予防接種

【問合せ先：保健所保健予防課 TEL 076-428-1152】

予防接種は全て医療機関での個別接種です。



4. Khám bệnh ngày nghỉ và ban đêm

Trung tâm cấp cứu của Hội Y sĩ thành phố Toyama có chế độ khám chữa bệnh dành cho các trường hợp bệnh đột xuất vào ngày nghỉ hoặc ban đêm.



(Trung tâm Cấp cứu Hội Y sĩ thành phố Toyama.

Địa chỉ: Toyama-shi Imaizumi Hokubu-machi 2-76, Nằm trong khu vực bãi đỗ xe số 1 của Bệnh viện Thành phố, TEL 076-425-9999)

Khoa khám	Ngày thường (không tính ngày lễ)	Thứ Bảy (không tính ngày lễ)	Chủ nhật – Ngày lễ
Nội khoa	19:00 ~ 24:00	14:00 ~ 24:00	9:00 ~ 17:30 (nghỉ trưa 1 tiếng)
			18:30 ~ 24:00
Nhi khoa	19:00 ~ 24:00	19:00 ~ 24:00	9:00 ~ 17:30 (nghỉ trưa 1 tiếng)
			18:30 ~ 24:00
Ngoại khoa	19:00 ~ 24:00	14:00 ~ 24:00	9:00 ~ 17:30 (nghỉ trưa 1 tiếng)
			18:30 ~ 24:00
Khoa mắt	19:30 ~ 22:00	—	9:00 ~ 17:30 (nghỉ trưa 1 tiếng) ※ Chỉ khám vào Chủ nhật tuần thứ 2 và thứ 4
Tai–Mũi– Họng	—	—	9:00 ~ 17:30 (nghỉ trưa 1 tiếng)
Da liễu	—	—	9:00 ~ 17:30 (nghỉ trưa 1 tiếng) ※ Chỉ khám vào Chủ nhật tuần thứ 1, 2 và 4

Thời gian tiếp nhận bệnh nhân kết thúc trước giờ kết thúc khám bệnh 15 phút.

※ Trung tâm Cấp cứu của Thành phố Toyama – Hội Y sĩ là cơ sở y tế cấp cứu tuyến 1, chủ yếu tiếp nhận các bệnh nhân có triệu chứng nhẹ. Trong trường hợp bệnh nặng cần nhập viện hoặc điều trị chuyên sâu, bệnh nhân có thể được yêu cầu đến khám tại cơ sở y tế cấp cứu tuyến 2.

4. 休日・夜間診療

富山市・医師会急患センターは、休日・夜間の急病に対し、次のような診療体制がとられています。



富山市・医師会急患センター

富山市今泉北部町2番地76 TEL 076-425-9999(市民病院第一駐車場内)

診療科目	平日 (祝日は除く)	土曜日 (祝日は除く)	日曜日・祝日
内科	19:00~24:00	14:00~24:00	9:00~17:30 (お昼頃に1時間の休止時間あり) 18:30~24:00
小児科	19:00~24:00	19:00~24:00	9:00~17:30 (お昼頃に1時間の休止時間あり) 18:30~24:00
外科	19:00~24:00	14:00~24:00	9:00~17:30 (お昼頃に1時間の休止時間あり) 18:30~24:00
眼科	19:30~22:00	—	9:00~17:30 (お昼頃に1時間の休止時間あり) *第2・4日曜日のみ
耳鼻咽喉科	—	—	9:00~17:30 (お昼頃に1時間の休止時間あり)
皮膚科	—	—	9:00~17:30 (お昼頃に1時間の休止時間あり) *第1・2・4日曜日のみ

※受付終了時間は診療終了時間の15分前です。

※富山市・医師会急患センターは、軽症患者を対象とする「一次救急医療機関」です。入院を要するなど重症の場合は、「二次救急医療機関」を受診していただくことがあります。

5. Bệnh viện có thể khám bằng tiếng nước ngoài

Các cơ sở y tế có hỗ trợ khám bệnh bằng tiếng nước ngoài thông qua trang “*Hướng dẫn Thông tin Y tế Toyama*” .



5. 外国語で診察が受けられる病院

「とやま医療情報ガイド」で外国語対応医療機関を調べることができます。



VI. Mang thai và sinh con



1. Khi mang thai

(Nội liên hệ: Các Trung tâm Phúc lợi – Y tế của từng khu vực

Phòng SỨC KHỎE Trẻ em, Toyamashi shinsakuramachi 7-38 Trong nhà thị
chính thành phố TEL 076-443-2248)

Khi biết mình mang thai, nếu nộp Giấy thông báo mang thai, bạn sẽ được cấp các giấy tờ sau:

- Sổ tay sức khỏe mẹ và bé
- Phiếu khám sức khỏe thai phụ (miễn phí 14 lần)
- Phiếu khám sức khỏe răng miệng cho thai phụ (miễn phí 1 lần)
- Phiếu khám sức khỏe sau sinh (2 lần: khám sau 2 tuần và khám sau 1 tháng)
- Phiếu kiểm tra thính lực cho trẻ sơ sinh (1 lần, hỗ trợ tối đa 5.000 yên)
- Phiếu khám sức khỏe cho trẻ 1 tháng tuổi (1 lần, hỗ trợ tối đa 6.000 yên)

Trong Sổ tay sức khỏe mẹ và bé sẽ ghi lại quá trình phát triển của em bé, lịch tiêm chủng và các thông tin quan trọng khác, vì vậy hãy giữ gìn cẩn thận và không để bị mất.

Giấy tờ cần thiết khi làm thủ tục: Giấy thông báo mang thai do bệnh viện cấp, giấy tờ xác nhận nhân thân, giấy tờ xác nhận My Number



2. Sau khi em bé chào đời

Trong vòng 14 ngày kể từ ngày em bé được sinh ra, cần nộp Giấy khai sinh tại: Phòng Thị dân của Ủy ban thành phố, hoặc các Trung tâm dịch vụ hành chính địa phương.

Khi đi nộp hồ sơ, hãy mang theo Sổ tay sức khỏe mẹ và bé.

VI. 妊娠・出産



1. 妊娠したときは

〔問合せ先: 各保健福祉センター

こども健康課 TEL 076-443-2248
とやましんさくらまち 富山市新桜町7-38 とやましくしよない 富山市役所内

妊娠したときは、妊娠届を提出すると、

- 母子健康手帳
- 妊婦健康診査受診票 (14回分無料)
- 妊婦歯科健康診査受診票 (1回分無料)
- 産婦健康診査受診票 (2週間健診、1か月健診の2回分)
- 新生児聴覚検査受診票 (1回分、上限額5,000円)
- 1か月児健康診査受診票 (1回分、上限額6,000円)

が交付されます。

母子健康手帳には、赤ちゃんの発育や予防接種の記録などが

記入されますので、大切に、無くさないようにしてください。

必要書類: 病院からの妊娠届出書、本人を確認するもの、

マイナンバーを確認するもの



2. 誕生したら

赤ちゃんが生まれた日から14日以内に出生届を市役所の市

民課または各行政サービスセンターに提出してください。届出

の際には母子健康手帳を持ってきてください。

なお、児童手当及びこども医療費助成の手続きのため、出生

子が加入する健康保険資格情報がわかるもの及び預金通帳など

が必要となります。

Ngoài ra, để làm thủ tục trợ cấp trẻ em và hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ, cần chuẩn bị: Giấy tờ thể hiện thông tin tư cách bảo hiểm y tế mà trẻ sau khi sinh sẽ tham gia, sổ tiết kiệm/ngân hàng dùng để nhận tiền trợ cấp. Trường hợp người mẹ đang tham gia Bảo hiểm y tế quốc dân sẽ được nhận tiền trợ cấp một lần khi sinh và nuôi con.

Hãy nộp đơn xin trợ cấp này cùng lúc với việc nộp giấy khai sinh, tại: Phòng Bảo hiểm – Lưu trữ của Ủy ban thành phố, hoặc quầy của các Trung tâm dịch vụ hành chính địa phương. Nếu đang tham gia bảo hiểm y tế của công ty, hãy làm thủ tục đăng ký tại công ty nơi bạn làm việc.

Giấy tờ cần thiết:

- Giấy khai sinh
- Sổ tay sức khỏe mẹ và bé
- Giấy tờ cho biết thông tin tư cách bảo hiểm y tế của trẻ
- Sổ ngân hàng dùng để nhận tiền trợ cấp trẻ em

ははおや こくみんけんこうほけん かにゆう ぼあい しゅっさんいくじ いちじきん
母親が国民健康保険に加入している場合は、出産育児一時金
しきゅう しゅっしょうとどけ どうじ しやくしょ ほけんねんきんか かく
が支給されます。出生届と同時に市役所の保険年金課や各
ぎょうせい まどぐち しんせい
行政サービスセンターの窓口で申請してください。会社の健康
ほけん かにゆう ひと かいしゃ しんせい
保険に加入している人は、会社に申請してください。

ひつようしょるい
必要書類：

- しゅっしょうとどけ
出生届
- ぼ し けんこうてちょう
母子健康手帳
- かにゆう けんこうほけんしかくじょうほう
加入する健康保険資格情報がわかるもの
- じどうてあて よきんつうちょう
児童手当の預金通帳

VII. Nuôi dạy trẻ và Giáo dục

1. Trợ cấp trẻ em và hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ

(Nơi liên hệ: Phòng Phúc lợi Trẻ em, TEL 076-443-2249)



(1) Trợ cấp trẻ em

Trợ cấp này được chi trả cho những người đang nuôi dưỡng trẻ đến 18 tuổi (tính đến hết năm mà trẻ tròn 18 tuổi), nhằm hỗ trợ đời sống và giúp trẻ phát triển khỏe mạnh.

Tiền trợ cấp sẽ được chi trả từ tháng tiếp theo sau khi nộp đơn đăng ký.

(2) Hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ

Cho đến khi trẻ đến 18 tuổi việc khám chữa bệnh theo chế độ bảo hiểm tại bệnh viện, khoản chi phí y tế mà gia đình phải tự chi trả sẽ được hỗ trợ. Để nhận được hỗ trợ này, trẻ cần phải tham gia Bảo hiểm y tế quốc dân hoặc Bảo hiểm xã hội của công ty.

Cả hai chế độ trợ cấp trẻ em và hỗ trợ chi phí y tế cho trẻ đều cần phải đăng ký trước. Về cách thức làm thủ tục, vui lòng liên hệ Phòng Phúc lợi Trẻ em.



2. Nhà trẻ – Trường mầm non được chứng nhận

(Nơi liên hệ: Nhà trẻ mong muốn hoặc Phòng Bảo trợ Trẻ em, TEL 076-443-2165)

Trẻ em đến 6 tuổi, trước khi vào tiểu học có thể theo học tại nhà trẻ hoặc trường mầm non trong trường hợp cha mẹ không thể chăm sóc tại nhà.

VII. 育児・教育

1. 児童手当と子ども医療費助成

[問合せ先: 子ども福祉課 TEL 076-443-2249]



(1) 児童手当

18歳（18歳に達する年の年度末）までの児童を育てている方に、生活を支え、子どもが健康に育つのを助けるために支給されます。

申請の翌月からの支給となります。

(2) 子ども医療費助成

18歳（18歳に達する年の年度末）までの子どもが、病院などで保険診療を受けた際に、医療機関などの窓口を支払う医療費（保険診療報酬一部負担）を助成します。この助成を受けるためには、国民健康保険や事業所の社会

保険に加入する必要があります。児童手当と子ども医療費助成を受けるためには、あらかじめ申請が必要です。手続き方法等については、子ども福祉課へお問い合わせください。

2. 保育所・認定子ども園（保育所部分）

[問合せ先: 希望の保育所または子ども保育課]



TEL 076-443-2165

小学校に入る前の6歳までの子どもは、親が共働きや病気などの理由で家庭で保育できないときに、保育所・認定子ども園に通うことができます。

Thời gian giữ trẻ thông thường là từ 7 sáng đến 6 chiều vào các ngày trong tuần, tuy nhiên giờ mở cửa có thể khác nhau tùy từng cơ sở.

Việc đưa đón đến nhà trẻ phải do phụ huynh thực hiện. Đơn xin nhập học cần được nộp tại Phòng Bảo trợ Trẻ em hoặc Bộ phận Phúc lợi Trẻ em tại các Trung tâm Dịch vụ Hành chính chậm nhất là trước hai tháng.

Học phí nhà trẻ được quyết định dựa trên mức thuế thị dân của hộ gia đình. Trẻ từ 0, 1, 2 tuổi: phải đóng học phí. Trẻ từ 3 tuổi trở lên: học phí được miễn phí.

3. Trường mẫu giáo – Trường mầm non được chứng nhận

(Nơi liên hệ:

Nhà trẻ nguyện vọng→Ban giáo dục trường học, TEL Điện thoại 076-443-2135)

Trường mẫu giáo tư thục / Trường được chứng nhận (Kodomo-en) → Cơ sở mà bạn mong muốn cho trẻ nhập học

Trường mẫu giáo công lập có 3 trường sau: Tsukioka・Mizuhashi・Hayahoshi. Dành cho trẻ từ 3 tuổi trở lên.

Trường mầm non được chứng nhận có 2 trường là trường Shinho nakayoshi và Okubo.

Dành cho trẻ 3 tuổi trở lên, nếu bố mẹ đều đi làm thì trẻ 0,1,2 tuổi thì đều được vào trường.

Mẫu giáo công lập thì việc đưa đón trẻ là do phụ huynh đảm nhiệm

Mẫu giáo tư lập có 4 trường, trẻ tròn 3 tuổi thì được vào trường. Hầu hết các trường đều có xe buýt đưa đón

Khác với nhà trẻ ở chỗ là thời gian giữ trẻ ngắn. Hầu hết đều có giữ trẻ sau giờ.

Tháng 9 sẽ phát đơn xin nhập trường, và đón nhận từ tháng 10.

一般的な保育時間は、平日の午前7時から午後6時までですが、施設によって開所時間は異なります。

保育所への子どもの送迎は、保護者が行わなければなりません。

保育所の入所申込みは、入所を希望される月の前々月末日までに、こども保育課または各行政サービスセンターこども福祉係で行ってください。

保育料は市民税の額などによって決まります。0、1、2歳児には保育料がかかり、3歳児以上の保育料は無料です。

3. 幼稚園・認定こども園(幼稚園部分)

[問合せ先:

公立幼稚園→入園を希望する施設または

学校教育課 TEL 076-443-2135

私立幼稚園・認定こども園→入園を希望する施設]

公立幼稚園は月岡・水橋・速星幼稚園の3園です。3歳児から入園することができます。

公立認定こども園は新保なかよし認定こども園・大久保認定こども園の2園です。

公立の幼稚園・認定こども園への子どもの送迎は保護者が行います。

私立幼稚園は4園あり、満3歳の誕生日から入園できます。

ほとんどの園で送迎のバスがあります。

保育所との違いは、保育時間が短いことですが、ほとんどの園で、保育時間終了後に預かり保育を行っています。

Trường hợp muốn nhập học giữa chừng thì liên lạc với cửa trực tiếp đến nhà trẻ hoặc trường mầm non.

4. Trường tiểu học – trung học cơ sở

(Nơi liên hệ: Phòng Giáo dục Trường học, TEL 076-443-2134)

Hệ thống giáo dục tại Nhật Bản bao gồm: Tiểu học: 6 năm, trung học cơ sở, 3 năm, trung học phổ thông: 3 năm, Đại học: 4 năm. Trẻ em đủ 6 tuổi sẽ vào học tiểu học, và 9 năm từ tiểu học đến hết trung học cơ sở là giáo dục bắt buộc. Tại Nhật Bản, năm học mới bắt đầu từ tháng 4.

Hầu hết các trường công lập (thành phố) cấp 1・2 được chỉ định tùy thuộc vào địa điểm nơi sinh sống. Với lý do cần học tiếng nhật nên muốn chuyển trường thì cũng có thể thực hiện được nên hãy hỏi để nhận được tư vấn. Trường hợp muốn cho con theo học trường cấp 1・2 nào đó hãy cầm theo thẻ ngoại kiều, hộ chiếu của trẻ, dấu ấn của cả gia đình để làm thủ tục nhập học.

Đối với những phụ huynh có con nhập học từ tháng 4 sang năm thì hàng năm vào tháng 9 sẽ có giấy báo ngày khám sức khỏe từ hội ủy ban giáo dục. Ngoài ra, vào hạ tuần tháng 1, chúng tôi sẽ gửi Thông báo nhập học (dạng bưu thiếp) đến các gia đình có trẻ chuẩn bị nhập học vào trường tiểu học và trung học cơ sở.

Các thông tin chi tiết liên quan đến việc nuôi dưỡng và hỗ trợ nuôi con tại thành phố Toyama có thể được tra cứu trên trang thông tin điện tử dưới đây có tên “Ikusapotoyama”



にゅうえんがんしよはいふ がつ うけつけ がつ おこな
入園願書配布は9月、受付は10月より行います。
とちゅうにゅうえん きぼう かけた きぼう ようちえん にんてい こどもえん
途中入園を希望される方は希望の幼稚園・認定こども園ま
または窓口で確認してください。

4. 小学校・中学校

[問合せ先: 学校教育課 TEL 076-443-2134]

にほん がっこうきょういふ しょうがっこう ねん ちゅうがっこう ねん こうこう ねん
日本の学校教育は小学校6年、中学校3年、高校3年、
だいがく ねんせいど しょうがっこう まん さい にゅうがく しょうがっこう
大学4年制度です。小学校は満6歳で入学し、小学校と
ちゅうがっこう ねんかん ぎ むきょういふ
中学校の9年間は義務教育となっています。

にほん では新学期は4月から始まります。

とやまし しょうがっこう ちゅうがっこう しりつ じゅうしょ
富山市にある小学校、中学校は市立がほとんどで、住所
によつて とうがっこう が指定されています。

もし、小・中学校にあなたの子供を通わせたい場合は、
らいにち にかぞくぜんいん ざいりゅう ことども かも ぼあい
来日している家族全員の在留カードと子供のパスポートを持
つて、入學手続きをしてください。

よくねん しょうがっこう にゅうがく こ ぼごしゅ まいとし
翌年、小学校へ入学されるお子さんの保護者には、毎年
がつげじゆん きょういふいいんかい しゅうがくじ けんこうしんだん ひ をおし
9月下旬に教育委員会から就学時の健康診断の日をお知らせ
します。また、1月下旬に小学校・中学校への入学のお知
らせとして、しゅうがくつうちしよ (ハガキ) をおく 送ります。

とやまし こそだ かん くわ しょうほう か き
富山市の子育てに関する詳しい情報は、下記ホームページ
「育さぽとやま」で確認することができます。



VIII. Cơ sở văn hóa

1. Các cơ sở có sách, tài liệu viết bằng tiếng nước ngoài

- Trung tâm Giao lưu Quốc tế thành phố Toyama (Có sách, tạp chí, báo)

Địa chỉ: CIC Building tầng 3, 1-2-3 Shintomicho, Toyama-shi

TEL 076-444-0642



- Trung tâm Quốc tế Toyama (Có sách, tạp chí)

Địa chỉ: Intec Building tầng 4, 5-5 Ushijima Shinmachi, Toyama-shi

TEL 076-444-2500



- Thư viện thành phố Toyama (Có sách, tạp chí)

Địa chỉ: Trong tòa nhà TOYAMA Kirari, 5-1 Nishicho, Toyama-shi

TEL 076-461-3200



2. Bảo tàng mỹ thuật – bảo tàng lịch sử

※ Vui lòng xem chi tiết giờ mở cửa và ngày nghỉ trên trang web của từng cơ sở.

- Bảo tàng Mỹ thuật tỉnh Toyama

Địa chỉ: 3-20 Kibamachi, Toyama-shi TEL Điện thoại: 076-431-2711



- Bảo tàng Mỹ thuật Thủy tinh thành phố Toyama

Địa chỉ: Trong tòa nhà TOYAMA Kirari, 5-1 Nishicho, Toyama-shi

TEL Điện thoại: 076-461-3100

- Bảo tàng Lịch sử địa phương thành phố Toyama (Lâu đài Toyama)

Địa chỉ: 1-62 Honmaru, Toyama-shi TEL Điện thoại: 076-432-7911

- Bảo tàng Mỹ thuật Kỷ niệm Sato – thành phố Toyama

Địa chỉ: 1-33 Honmaru, Toyama-shi TEL Điện thoại: 076-432-9031

VIII. 文化施設

1. 外国語で書かれた本などをおいている施設

富山市国際交流センター（本、雑誌、新聞）

〔富山市新富町一丁目2-3 CICビル3階 TEL 076-444-0642〕



とやま国際センター（本、雑誌）

〔富山市牛島新町5-5 インテックビル4階 TEL 076-444-2500〕



富山市立図書館（本、雑誌）

〔富山市西町5-1 TOYAMAキラリビル内 TEL 076-461-3200〕



2. 美術館・博物館など

開館時間や休館日は各ホームページをご覧ください。

富山県美術館〔富山市木場町3-20 TEL 076-431-2711〕



富山市ガラス美術館

〔富山市西町5-1 TOYAMAキラリビル内 TEL 076-461-3100〕

富山市郷土博物館（富山城）

〔富山市本丸1-62 TEL 076-432-7911〕

富山市佐藤記念美術館

〔富山市本丸1-33 TEL 076-432-9031〕

- Bảo tàng Khoa học thành phố Toyama

Địa chỉ: 1-8-31 Nishinakanomachi, Toyama-shi TEL Điện thoại: 076-491-2123

とやましかがくはくぶつかん
富山市科学博物館

とやましにしなかのまちいっちょうめ
〔富山市西中野町一丁目8-31 TEL 076-491-2123〕

- Làng Dân gian – Thủ công Mỹ nghệ thành phố Toyama

Địa chỉ: 1118-1 Anyōbō, Toyama-shi TEL Điện thoại: 076-433-8270

とやましみんぞくみんげいむら とやましあんようぼう
富山市民俗民芸村 〔富山市安養坊1118-1 TEL 076-433-8270〕

- Quảng trường di tích Jōmon Kitadai – thành phố Toyama

Địa chỉ: 3871-1 Kitadai, Toyama-shi TEL Điện thoại: 076-436-3664

とやましきただいじょうもんひろば とやましきただい
富山市北代縄文広場 〔富山市北代3871-1 TEL 076-436-3664〕

- Quảng trường lịch sử thành cổ Yasuda (Fuchū) – thành phố Toyama

Địa chỉ: 244-1 Yasuda, Fuchū-machi, Toyama-shi TEL Điện thoại: 076-469-4241

とやまし ふちゅうやすだじょうせきれきし ひろば
富山市婦中安田城跡歴史の広場

とやまし ふちゅうまちやすだ
〔富山市婦中町安田244-1 TEL 076-469-4241〕

- Bảo tàng Trạm kiểm soát Inotani

Địa chỉ: 978-4 Inotani, Toyama-shi TEL Điện thoại: 076-484-1007

いのたにせきしょかん とやましいのたに

猪谷関所館 〔富山市猪谷978-4 TEL 076-484-1007〕

- Bảo tàng Tư liệu Dân gian – Lịch sử Ōyama

Địa chỉ: 1 Kamegai, Toyama-shi TEL Điện thoại: 076-481-1415

おおやまれきしみんぞくしりょうかん とやましかめがい

大山歴史民俗資料館 〔富山市亀谷1 TEL 076-481-1415〕

- Bảo tàng Trưng bày Hikiyama Yatsuo

Địa chỉ: 2898-1 Kamishinmachi, Yatsuo-machi, Toyama-shi TEL Điện thoại: 076-454-5138

やつお しりょうかん

八尾おわら資料館

とやましやつおまちひがしまち
〔富山市八尾町東町2105-1 TEL 076-455-1780〕

- Bảo tàng Tư liệu Owara Yatsuo

Địa chỉ: 2105-1 Higashimachi, Yatsuo-machi, Toyama-shi TEL Điện thoại: 076-455-1780

ばばけ とやましひがしいわせまち

馬場家 〔富山市東岩瀬町107-2 TEL 076-456-7815〕

- Nhà cổ Baba

Địa chỉ: 107-2 Higashi-Iwase-machi, Toyama-shi TEL Điện thoại: 076-456-7815

うきたけ とやましおおたみなみちよう

浮田家 〔富山市太田南町272 TEL 076-492-1516〕

- Nhà cổ Ukita

Địa chỉ: 272 Ōta Minamimachi, Toyama-shi TEL Điện thoại: 076-492-1516

IX. Giao thông



1. Cách sử dụng xe buýt và tàu điện nội thành

Xe buýt và tàu điện chạy trong thành phố Toyama đều vận hành theo hình thức một tài xế lái. Thông thường: Lên xe từ cửa sau, xuống xe ở cửa trước, tiền vé được trả khi xuống xe tại hộp thu tiền cạnh tài xế.

(1) Xe buýt

Trường hợp xe buýt, Khi lên hãy rút vé thứ tự từ máy phát ở cạnh cửa lên. Khi xuống trên xe có loa thông báo điểm đến hãy bấm nút xuống xe ở phía cửa sổ hay trên trần xe để báo cho lái xe biết. Tiền vé hãy kiểm tra trên bảng vé nằm phía trên cửa xuống. Hãy kiểm tra số thứ tự mình đang cầm và số tiền ghi trên bảng vé để thanh toán. Tiền và vé thứ tự cùng cho vào hộp thu tiền nằm ở cạnh cửa xuống. Có thể trả bằng: Tiền mặt, thẻ IC “ecomyca”. Lưu ý khi trả bằng tiền mặt: Máy không trả lại tiền thừa. Có thể đổi tiền tại máy đổi tiền cạnh ghế tài xế, chỉ đổi từ 1.000 yên. Từ 5.000y thì không đổi được. Nên đổi tiền khi xe đang dừng.

Vui lòng bỏ vé số thứ tự và tiền xe vào cùng một thùng thu tiền

Nếu dùng thẻ ecomyca, sẽ được giảm giá vé.

(2) Tàu điện nội thành

Khi lên tàu điện: lên từ cửa giữa.

Khi muốn xuống: sau khi nghe thông báo tên ga, hãy bấm nút xuống gần cửa sổ để báo cho lái tàu.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt, thẻ IC “ecomyca”, ngoài ra, tàu điện còn dùng được các thẻ IC giao thông toàn quốc như Suica, ICOCA,... Trả bằng tiền mặt cũng không có tiền thừa. Nếu cần đổi tiền, hãy dùng máy đổi cạnh ghế lái tàu.

IX. 交通



1. バスや市電の利用の仕方

富山市内を走るバスや市電は、ワンマン運転になっており、後ろのドアから乗り、前のドアから降りるようになっています。運賃は降りるときに運転手脇の料金箱で支払います。

(1) バス

バスに乗る時は、入り口のドアの脇にある整理券発行機から整理券を取ってください。降りる時には目的のバス停の名前が車内で放送されてから、車内の窓の近くや天井に

ついて降車ボタンを押して運転手に知らせてください。バスの運賃は、前方料金表示を見て、あなたの持っている整理券の数字の金額を支払います。運賃は、現金の他、ICカード（えこまいか）などの支払いも出来ます。ICカードについては、バスはえこまいかのみ、使用できます。現金の場合おつりができません。両替が必要な人は、運転席横の精算機で千円と硬貨の両替ができます。両替機は、1万円札、5千円札は使えません。両替をするときは、停車

しているときにしましょう。整理券と運賃と一緒に料金箱に入れます。

えこまいかを使うと運賃が割引されます。

(2) 市電

市電の場合、乗るときは中央のドアから乗ります。

降りる時には、目的の電停の名前が車内で放送されてから車内の窓の近くについて降車ボタンを押して、運転手に知らせてください。

Máy thanh toán cạnh chỗ lái tàu có thể dùng để đổi tiền xu và tờ 1.000 yên. Không thể sử dụng tờ 5.000 yên và 10.000 yên. Khi cần đổi tiền, hãy thực hiện lúc tàu đang dừng.

Nếu sử dụng thẻ IC “ecomyca”, bạn sẽ được giảm giá.

2. Cách sử dụng JR, Đường sắt địa phương Toyama và các tuyến khác

(Nơi liên hệ: JR Ga Toyama, Địa chỉ: 1-225 Meirin-cho, Toyama-shi

Ainokaze Toyama Railway – Ga Toyama

Địa chỉ: 1-227 Meirin-cho, Toyama-shi, TEL 076-431-3409

Toyama Chihō Tetsudō (Đường sắt địa phương Toyama)

Địa chỉ: 1-1-36 Sakuramachi, Toyama-shi, TEL 076-432-3456)



(1) Cách mua vé tàu tuyến JR

Vé khoảng cách ngắn hay vé tốc hành hạng ghế tự do có thể mua được tại máy bán vé tự động. Vé khoảng cách dài hay vé hạng ghế chỉ định hãy mua ở cửa sổ giao dịch 「Midori no madoguchi」 hay máy bán vé tự động Midori. Trường hợp tiền người thân hãy mua vé vào cửa.



(2) Cách mua vé của tuyến Ainokaze Toyama Railway

Vé có thể mua ở máy bán vé tự động hay tại cửa sổ giao dịch Tùy từng ga lên tàu mà phạm vi mua vé sẽ khác đi, hãy kiểm tra.

Phạm vi có thể mua được vé trên bảng giá vé phía trên máy bán vé.

Trường hợp đi chuyến Ainokaze raina, ngoài vé ra còn cần vé raina(300 yên) được bán trên tàu hay tại các điểm tàu đỗ.

Thẻ thanh toán điện tử có thể sử dụng được trong những tuyến sau. Đường sắt Ainokaze toyama (từ ga Isurugi đến ga Echchu Miyazaki)

Đường sắt JR Ishikawa (từ ga Kurikara đến ga Daishouji), JR Nanaosen (từ ga Tsubata đến ga Wakuraonsen), JR Jyohanasen (từ ga Takaoka đến Jyohana), JR Himisen (từ ga Takao đến ga Himi).

運賃は、現金の他、ICカード（えこまいか）などの支払いも出来ます。市電はえこまいかに加え全国交通系ICカードも使用できます。現金の場合おつりができません。両替が必要な人は、運転席横の精算機で千円と硬貨の両替ができます。両替機は、1万円札、5千円札は使えません。両替をするときは、停車しているときにしましょう。

えこまいかを使うと運賃が割引されます。

2. JRや富山地方鉄道などの利用の仕方

【問合せ先：JR富山駅 富山市明輪町1-225

あいの風とやま鉄道富山駅

富山市明輪町1-227 TEL 076-431-3409

富山地方鉄道

富山市桜町一丁目1-36 TEL 076-432-3456】



(1) JR線の切符の買い方

近距離切符及び自由席特急券は自動券売機で買います。

長距離の乗車券及び指定席特急券などは「みどりの窓

口」や「みどりの券売機」で、また駅のホームで家族や友人を見送るときは「入場券」を買います。



(2) あいの風とやま鉄道の切符の買い方

乗車券は自動券売機もしくは窓口で買います。あいの風ライナーに乗車する場合は乗車券のほかにライナー券(300円)が必要です。あいの風ライナー停車駅もしくは車内で発売しています。

Không sử dụng được trên các tuyến: Tuyến JR Takayama, Tuyến Echigo Tokimeki Railway.

(3) Cách mua vé của Chitetsu

Có thể mua vé đi tàu và vé tàu tốc hành tại: máy bán vé tự động, hoặc quầy bán vé.

3. Cách sử dụng taxi

Taxi được bố trí chờ tại khu vực phía trước nhà ga và tại các điểm đón taxi trong nội thành. Bạn cũng có thể sử dụng ứng dụng đặt xe để gọi taxi.

Khi bắt taxi trên đường, hãy chọn xe có bảng đèn đỏ ghi ‘空車’ (xe còn trống).

Khi xe dừng, cửa sau sẽ tự động mở. Sau đó, hãy cho tài xế biết điểm đến của bạn.

Nếu không nói được tiếng nhật hãy cho xem giấy có ghi địa chỉ hay bản đồ. Khi gọi taxi qua điện thoại hoặc ứng dụng đặt xe, bạn sẽ phải trả thêm 100 yên hoặc 200 yên.

Ngoài ra, nếu đặt xe theo giờ chỉ định, sẽ phát sinh thêm phụ phí riêng

※Tiền taxi khác nhau tùy theo công ty taxi vậy nên hãy xác nhận với công ty taxi

4. Sân bay

Từ Sân bay Toyama Kitokito, có các chuyến bay: Nội địa, quốc tế. Thông tin chi tiết về lịch bay, vui lòng xem trên trang web chính thức của sân bay.



ICカードは、^{かぜ}あいの風と^{てつどうせんない}やま鉄道線内（^{いするぎえき}石動駅～^{えつちゆう}越中宮崎駅）、^{てつどうせんない}IRいしかわ鉄道線内（^{くりからえき}倶利伽羅駅～^{だいしゅうじえき}大聖寺駅）、^{ななおせん}JR七尾線（^{つばたえき}津幡駅～^{わくらおんせんえき}和倉温泉駅）、^{じょうはなせん}JR城端線（^{たかおかえき}高岡駅～^{じょうはなえき}城端駅）^{ひみせん}JR氷見線（^{たかおかえき}高岡駅～^{ひみえき}氷見駅）で利用できます。
JR^{たかやません}高山線、^{てつどうせん}えちごトキめき鉄道線ではご利用できません。

(3) 地鉄の切符の買い方

^{じどうけんばいき}自動券売機もしくは^{まどぐち}窓口で^{じょうしゃけん}乗車券、^{とっきゅうけん}特急券を^か買います。

3. タクシーの利用の仕方

^{えきまえ}タクシーは^{しな}駅前や^{のりば}市内の^{たいき}タクシー乗場に^{しな}待機しています。また^{はいしゃ}配車アプリを使って^だ呼び出すこともできます。^{ろじょう}路上で^{ろじょう}タクシーを^よ呼び止めるときは、「^{くうしゃ}空車」の^{あか}赤の^{ひょうじばん}表示板が^で出ている^でタクシーを探します。^きタクシーが^{うし}止まると、^{うしろ}後ろの^{ドア}ドアが^{じどうてき}自動的に^{ひら}開きます。^{うんてんしゅ}運転手に^{もくてきち}目的地を^い言いましょう。

^{にほんご}日本語が^{はな}話せないときは、^{かみ}紙や^{じゆうしょ}スマートフォンなどで^{ちゆう}住所や^{ちず}地図を見せると^よ良いでしょう。^{でんわ}電話や^{はいしゃ}配車アプリで^{はいしゃ}タクシーを^よ呼ぶと^{えん}100円または^{えん}200円増しになります。また、^{じかんしてはいしゃ}時間指定^{よやく}配車予約をすると^{べつと}別途^{りょうきん}料金がかかかります。

※タクシー^{がいしゃ}会社によって^{きんがく}金額が^{こと}異なる^{ぼあい}場合がありますので^{りょう}利用する^{がいしゃ}タクシー会社^{かくにん}に^{りょう}確認してください。

4. 空港

^{とやま}富山^{くうこう}きときと^{くわいせん}空港からは^{こくさいせん}国内線、^{うんこう}国際線が^{うんこう}運航しています。
^{くわ}詳しい^{うんこうじょうほう}運行情報は^{かくにん}ホームページ^{かくにん}をご^{かくにん}確認ください。



X. Việc lái xe tại Nhật Bản

Để có thể lái xe tại Nhật, có các cách chính sau: Chuyển đổi bằng lái nước ngoài sang bằng lái Nhật hoặc học và tốt nghiệp tại trường dạy lái xe ở Nhật.



1. Chuyển đổi bằng lái xe nước ngoài sang bằng lái Nhật

Những người đang có bằng lái do nước ngoài cấp sẽ phải trải qua: kiểm tra hồ sơ, kiểm tra năng lực, kiểm tra kiến thức và kỹ năng lái xe (Đối với một số quốc gia, có thể được miễn một phần các bước kiểm tra). Nếu không có vấn đề về khả năng lái xe, sẽ được chuyển đổi bằng lái của Nhật Bản.

Tuy nhiên cần chứng minh đã tại lưu tại quốc gia đã lấy bằng trên 3 tháng(xác nhận bằng hộ chiếu, ...)

Ngoài ra, Người có bằng lái quốc tế mà quốc gia đó tham gia Công ước Geneva có thể sử dụng tại Nhật trong thời hạn 1 năm kể từ ngày nhập cảnh, hoặc trong thời hạn hiệu lực của bằng (lấy thời hạn ngắn hơn). Nhưng bằng lái quốc tế không thể dùng để chuyển đổi trực tiếp sang bằng lái Nhật.

(1) Các giấy tờ cần thiết để chuyển đổi

- Bằng lái xe do nước ngoài cấp
Nếu trên bằng không ghi rõ ngày cấp, cần có giấy tờ khác để chứng minh ngày cấp.
- Bản dịch tiếng Nhật của bằng lái nước ngoài
- Hộ chiếu(Mang theo tất cả hộ chiếu cũ và mới (nếu có)).
- Thẻ lưu trú hoặc Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt
- Giấy tạm trú (có ghi quốc tịch, tư cách lưu trú, thời hạn lưu trú và không ghi mã My Number
- 01 ảnh thẻ(chụp trong vòng 6 tháng, kích thước: 3cm × 2.4cm)
- Đơn đăng ký(sẽ được lập tại Trung tâm giáo dục lái xe)
- Ngoài ra, tùy từng quốc gia có thể cần thêm giấy tờ khác, nên bạn hãy liên hệ trước để được hướng dẫn cụ thể.

X. 日本国内での運転

日本の免許証を取る方法として、「運転免許証の切り替え」と「自動車学校を卒業」する方法などがあります。

1. 運転免許証の切り替え

外国の免許を持っている人は、書類のチェックと適性試験、知識と運転の確認を受けます（一部免除される国もあります）。運転に問題がないとわかれば、日本の免許に切り替えられます。

ただし、外国で免許を取ったあと、その国に3か月以上住んでいたことを証明する必要があります。（パスポートなどで確認します。）

また、日本とジュネーブ条約を結んでいる国の国際免許証は、日本に入ってから1年以内又は、国際免許証の有効期間のいずれか短い期間までは使えますが、日本の免許に切り替えることはできません。

(1) 切り替えに必要な書類

- 外国の自動車運転免許証
免許証の取得年月日が明記されていないものは、取得年月日を証明できるものがが必要です。
- 当該外国の自動車運転免許証の翻訳文
- パスポート（新・旧全部お持ちください）
- 在留カード又は特別永住者証明書
- 住民票（国籍、在留資格、在留期限などが記載され、マイナンバーが記載されていないもの）

(2) Thủ tục thực hiện



Tại trung tâm bằng lái sau khi kiểm tra giấy tờ(chế độ hạn trước),ngày sau đó cần phải xác nhận kiến thức ,bài thi tính thích hợp,xác nhận kỹ năng(chế độ hạn trước)

※Trường hợp người đăng ký không nói được tiếng nhật thì hãy đi cùng người phiên dịch .

2. Tốt nghiệp trường dạy lái xe

Có thể theo học tại trường dạy lái xe, hoàn thành khóa huấn luyện, và sau khi tốt nghiệp, tham gia kỳ thi lý thuyết để lấy bằng lái xe Nhật Bản (ngay cả những người không có bằng lái nước ngoài cũng có thể lấy).

Trong trường hợp này, theo nguyên tắc, cần nộp giấy tạm trú và thẻ lưu trú hoặc giấy chứng nhận thẻ vĩnh trú xác nhận danh tính.

- ・写真1枚 (6か月以内に撮影した縦3cm×横2.4cmの証明写真)
- ・申請書 (運転教育センターで作成します。)
- ・その他、国によって上記書類以外に必要なものがありますので、お問い合わせください。



(2) 手続き

運転免許センターで、書類審査 (予約制) をした後、後日、適性試験、知識の確認、技能の確認 (予約制) を受ける必要があります。

※申請者本人が日本語を話せない場合は、通訳ができる人と一緒に来てください。

※予約受付時間はホームページを確認してください。

2. 自動車学校を卒業

自動車学校に通って教習を受け、卒業後、学科試験を受けて日本の免許を取ることもできます (外国の免許を持っていない人も取れます)。

この場合も、原則、住民票の提出と在留カード又は特別永住者証明書の本人確認書類が必要となります。

詳しくは、入校を希望する自動車学校にお問い合わせください。

3. Gia hạn bằng lái xe



(1) Thời hạn gia hạn

Việc gia hạn bằng lái xe có thể thực hiện trong 2 tháng, gồm 1 tháng trước và 1 tháng sau ngày sinh nhật của bạn.

Nếu ngày cuối cùng để gia hạn rơi vào Chủ nhật, Thứ bảy, ngày lễ, cuối năm hoặc đầu năm, có thể gia hạn vào ngày làm việc tiếp theo.

Ngoài ra, nếu không thể gia hạn trong thời gian quy định do lý do quan trọng khác, có thể được phép gia hạn sớm.

※ *Bạn hãy xác nhận thời gian tiếp nhận hồ sơ ở trang chủ của trang web*

(2) Các giấy tờ cần thiết để gia hạn bằng lái xe

- Bằng lái xe
- Thẻ lưu trú, giấy chứng nhận cư trú (có ghi quốc tịch, tư cách lưu trú, thời hạn lưu trú, v.v.) hoặc giấy chứng nhận cư trú vĩnh viễn đặc biệt (chọn một trong hai loại)
- Giấy thông báo gia hạn
- Phí thủ tục (2.100 yên – 4.350 yên)
- Kính, máy trợ thính, v.v. (nếu cần thiết)
- Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học cho người cao tuổi (Những người 70 tuổi trở lên vào ngày hết hạn gia hạn phải tham gia khóa học này trước khi gia hạn)
- Thông báo kết quả kiểm tra chức năng nhận thức (Những người 75 tuổi trở lên vào ngày hết hạn gia hạn)
- Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra kỹ năng lái xe (Dành cho những người 75 tuổi trở lên cần kiểm tra theo quy định)

※ *Nếu gia hạn trước thời hạn, cần nộp giấy tờ chứng minh lý do.*

※ *Những người 75 tuổi trở lên vào ngày hết hạn gia hạn nên liên hệ để xác nhận giấy tờ cần thiết.*

3. 免許証の更新



(1) 更新期間

免許の更新は、自分の誕生日の前と後、それぞれ1か月ずつ、合わせて2か月のあいだに行うことができます。

もし、更新の期限の日が日曜日や土曜日、祝日、年末年始などの休みの日だったときは、その次の平日までに更新できます。

また、海外旅行などどうしても更新期間のあいだに更新できないときは、特別に早めに更新することができます。

※受付時間はホームページを確認してください。

(2) 更新に必要な書類

- 運転免許証
- 在留カード、住民票(国籍、在留資格、在留期限等が記載されたもの。)又は特別永住者証明書のいずれか。
- 更新連絡書
- 手数料 (2,100円～4,350円)
- 眼鏡、補聴器など(必要な方)
- 高齢者講習終了証明書(更新満了日に70歳以上の方は、更新手続きの前に高齢者講習を受けていないと更新できません。)
- 認知機能検査結果通知書(更新満了日に75歳以上の方)
- 運転技能検査受検結果証明書(更新満了日に75歳以上の方のうち、検査対象の方)

※期間前に更新される場合は、その理由を証明する書類が必要です。

※更新満了日に75歳以上になる方は、必要書類について、お問い合わせください。

(3) Các vấn đề khác

Khi gia hạn, bạn cần điền phiếu câu hỏi về tình trạng sức khỏe. Nếu có mục nào phù hợp, nhân viên sẽ hỏi chi tiết về các triệu chứng của bạn.

Nếu bạn thay đổi địa chỉ khi gia hạn, hãy mang theo giấy tờ chứng minh địa chỉ mới (thẻ lưu trú, giấy chứng nhận cư trú với các thông tin quốc tịch, tư cách lưu trú, thời hạn lưu trú, hoặc giấy chứng nhận cư trú vĩnh viễn đặc biệt).

※ Nếu không thể lấy giấy chứng nhận cư trú, vui lòng liên hệ trước.

(Thông tin liên hệ: Trung tâm Cấp Giấy phép Lái xe, Cảnh sát tỉnh Toyama)

Địa chỉ: 62-1 Takashima, Thành phố Toyama, TEL 076-441-2211

Nơi làm thủ tục: Trung tâm Giáo dục Lái xe, tỉnh Toyama (62-1 Takashima, Toyama)

Xe buýt: Từ ga Toyama, đi tuyến “Qua Trung tâm Giáo dục Lái xe Toyama – Bệnh viện Saiseikai”, xuống ở Trung tâm Giáo dục Lái xe. Thời gian khoảng 35–40 phút.)

4. Đăng kiểm xe

Đối với xe ô tô cá nhân, cứ mỗi 1–3 năm phải thực hiện kiểm định xe (shaken). Việc kiểm định được thực hiện tại các gara sửa chữa ô tô đã được cơ quan vận tải đường bộ cho phép.

Chi phí khoảng hơn mười vạn yên (khoảng trên 100.000 yên).

Nếu lái xe khi đã hết hạn kiểm định, bạn có thể bị xử phạt, cấm lái xe hoặc bị đình chỉ bằng lái cùng các hình thức xử lý nghiêm khắc khác.

(3) その他

更新に合わせて、病気の症状についての「質問票」を記入していただきます。質問項目に該当がある場合は、職員が症状について具体的にお話を聞くことになります。

また、更新に合わせて、住所変更を行う場合は、その住所を証明する書類（在留カード、住民票（国籍、在留資格、在留期限などが記載されたもの。）又は特別永住者証明書のいずれか）を持ってきてください。

※住民票が取得できない方は、お問い合わせください。

問い合わせ先：富山県警察本部 運転免許センター

富山市高島62番地1 TEL 076-441-2211

手続場所：富山県運転教育センター（富山市高島62-1）

バス：富山駅から「富山県運転教育センター経由済生会病院行き」に乗り、「運転教育センター」で降りる（富山駅から約35分～40分かかります）。

4. 車検

個人所有の車に行う1～3年ごとの車両検査で、陸運局事務所の許可を得た自動車修理工場で受けます。費用は約十数万円程度かかります。車検が切れた自動車に乗っていると処罰されたり、運転禁止、免許停止になったりなど厳しい処分があります。

5. Vi phạm giao thông

Ở Nhật Bản, người lái xe vi phạm luật giao thông sẽ phải nộp phạt vi phạm. Những vi phạm nghiêm trọng hoặc cố tình sẽ bị phạt tiền nặng hơn.

6. Lưu ý khi lái xe

(1) Lái xe ô tô

Tại Nhật Bản, xe cộ lưu thông bên trái, còn người đi bộ đi bên phải.

Khi lái xe hoặc ngồi trên xe ô tô, việc thắt dây an toàn là bắt buộc.

Khi chở trẻ em dưới 6 tuổi, phải sử dụng ghế an toàn dành cho trẻ em (child seat).

Ngoài ra, hành vi lái xe sau khi uống rượu bia sẽ bị xử phạt nghiêm khắc.

Trong khi lái xe, không được sử dụng điện thoại di động hoặc điện thoại thông minh.

Nếu có người đang chuẩn bị băng qua đường tại vạch sang đường, bạn phải dừng xe và nhường cho họ đi trước

(2) Lái xe máy

Khi lái mô tô, bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm.

(3) Lái xe đạp

1) Quy tắc khi đi xe đạp

Khi lái xe đạp, bạn nên cố gắng đội mũ bảo hiểm. Nguyên tắc là chạy bên trái.

Cấm tuyệt đối: lái xe sau khi uống rượu, sử dụng tai nghe hoặc smartphone, vượt đèn đỏ, chở hai người, chạy song song với xe khác, hoặc cầm dù khi đi xe. Khi trời mưa, hãy mặc áo mưa. Ban đêm, bắt buộc bật đèn. Từ ngày 1/4/2026, Nhật Bản áp dụng hệ thống “phiếu xanh”, những vi phạm giao thông nhất định của xe đạp sẽ bị phạt vi phạm, áp dụng với người từ 16 tuổi trở lên.



5. 反則制度

日本では、運転手の道路交通法違反に対して反則金が課せられます。（悪質で重大な違反は罰金です。）

6. 運転するときの注意

(1) 車の運転

日本では、車は左側通行、歩行者は右側通行となっています。自動車運転するとき、乗るときには、シートベルトの着用が義務づけられています。6歳未満の幼児を乗せるときはチャイルドシートを使用しなければなりません。また、飲酒運転には、厳しい罰則があります。運転中は携帯電話やスマートフォンを使用してはいけません。横断歩道で渡ろうとしている人がいたら必ず止まって先に通さなければなりません。

(2) バイクの運転

オートバイを運転するときには、ヘルメットの着用が義務づけられています。

(3) 自転車の運転

1) 自転車のルール

自転車を運転するときは、ヘルメットを着用するよう努めなければなりません。自転車は車の仲間です。左側通行で車道を走るのが原則です。

飲酒運転やイヤホンやスマートフォンを使用しながらの運転、信号無視、二人乗り、並走などは禁止されています。



2) **Chỗ để xe đạp**

Vùng quanh Ga JR Toyama cấm để xe đạp. Vui lòng đỗ xe tại bãi đỗ xe gần nhất. Khi đến cửa hàng, không đỗ xe trên lòng đường mà hãy để xe ngay ngắn tại khu vực đỗ xe được quy định

3) **Đăng ký phòng chống trộm cắp**

Người sở hữu xe đạp bắt buộc đăng ký phòng chống trộm. Xe đã đăng ký chống trộm ít bị bị mất và dễ dàng tìm lại hơn so với xe chưa đăng ký. Việc đăng ký có thể thực hiện tại điểm bán xe. Khi đăng ký, cần xe đạp, biên lai mua hàng, và giấy tờ tùy thân. Nếu xe đạp là xe được người khác chuyển nhượng, cần giấy tờ chứng minh quyền sở hữu.

Nếu xe đạp được người khác chuyển nhượng, cần thẻ đăng ký phòng chống trộm của chủ cũ hoặc giấy chứng nhận chuyển nhượng do chủ cũ viết.

4) **Bảo hiểm xe đạp**

Trong trường hợp gây tai nạn giao thông khi đi xe đạp và trở thành người gây thiệt hại, có những trường hợp bạn phải bồi thường số tiền rất lớn. Để bảo vệ bản thân và người bị hại, hãy tham gia bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại xe đạp để phòng ngừa rủi ro khi xảy ra tai nạn.

また、傘さし運転も禁止されています。雨が降っているときはレインコートを着ましょう。夜間は必ずライトを点灯してください。令和8年4月1日から、自転車の一定の交通違反に対して、反則金が課せられる、いわゆる「青切符」制度が導入されます。16歳以上が対象となります。

2) **駐輪**

J R 富山駅周辺は自転車の駐輪が禁止されています。最寄りの駐輪場に自転車を置きましょう。また、お店を利用する際は、路上駐車せず、決められた駐輪場にきちんと並べて停めましょう。

3) **防犯登録**

自転車を持っている人は、防犯登録が義務づけられています。防犯登録をしないと、登録していない自転車に比べて盗まれにくくなります。また、盗まれた時や失くした時に返ってきやすくなります。防犯登録は自転車店や量販店ですることができます。登録の時は、自転車本体と領収証などの購入した証明になるもの、身分証明書が必要です。他の人から譲ってもらった場合は、前の持ち主の防犯登録カードか前の持ち主に書いてもらった譲渡証明書が必要です。

4) **自転車保険**

自転車での交通事故によって加害者になった場合、高い賠償金を支払わなくてはならないケースがあります。自分と被害者を守るため、万が一の自転車事故に備えて自転車損害賠償保険に加入しましょう。

7. Biển báo giao thông

Dưới đây là một số biển báo giao thông cơ bản:



いちじていし
一時停止

Tạm dừng/Stop



しゃりょうしんにゅうきんし
車両進入禁止

Cấm xe cơ giới đi vào



つうこうど
通行止め

Đường cấm /
Đường ngừng lưu thông



ちゅうしゅきんし
駐車禁止

Cấm đỗ xe



ちゅうていしゅきんし
駐停車禁止

Cấm đỗ và dừng xe

7. 道路標識 代表的な道路標識を示します。



てんかいきんし
転回禁止

Cấm quay xe



はじまり
始まり
Bắt đầu



おわり
終わり
Kết thúc



いっぽうつうこう
一方通行

Đường 1 chiều



おうだんほどう
横断歩道

Vạch sang đường / đường
dành cho người đi bộ



ほこうしゃとうせんよう
歩行者等専用

Dành riêng cho người đi bộ
và phương tiện liên quan



していほうこうがいしんこうきんし
指定方向外進行禁止

Cấm đi vào ngoài
hướng đã quy định

XI. Cổng thông tin tư vấn & thông tin hữu ích



1. Cổng tư vấn

• Cổng tư vấn một cửa cho người nước ngoài, Thành phố

Toyama

(Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Giao lưu Quốc tế Thành phố

Toyama, 3F tòa nhà CiC, 2-3 Shintomicho 1-chome, Toyama, TEL 076-444-0642)

Giờ tiếp nhận: 10:00 – 20:30

Khi gặp khó khăn hoặc có điều chưa rõ liên quan đến cuộc sống hằng ngày, bạn có thể đến để được tư vấn

Thông tin cá nhân của người tư vấn được bảo mật nghiêm ngặt.

Tư vấn hoàn toàn miễn phí.

Nhân viên tư vấn có thể hỗ trợ bằng tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn.

Nếu cần, các ngôn ngữ khác cũng có thể được hỗ trợ bằng thiết bị dịch thuật.

• Cổng tư vấn một cửa cho người nước ngoài, Tỉnh Toyama

(Địa chỉ liên hệ: Trung tâm Quốc tế Toyama, 4F tòa nhà Intec, 5-5 Ushijima Shinmachi, Toyama,

TEL 076-441-6330 / 076-441-5654 / 080-5852-2234)

Giờ tiếp nhận: Ngày thường 9:00 – 17:00

Bạn có thể thực hiện cuộc trao đổi ba bên giữa đơn vị cần liên hệ (trường học, cơ quan nhà nước, bệnh viện...) và Trung tâm tư vấn một cửa dành cho người nước ngoài tỉnh Toyama.

• Hướng dẫn giới thiệu các cổng tư vấn

Liệt kê liên hệ của nhiều cổng tư vấn khác nhau tại Thành phố Toyama.



XI. 相談窓口・お役立ち情報

1. 相談窓口

富山市外国人ワンストップ相談窓口

〔問合せ先：富山市国際交流センター

富山市新富町一丁目2-3 CiCビル3階 TEL 076-444-0642〕

受付時間：10:00～20:30

日常生活等に関することで悩んだり、分からないことがあれば、相談できます。

相談者の個人情報厳守します。

相談は無料です。

日本語、英語、中国語、韓国語の相談員が対応します。その他の言語でも、翻訳機を使って対応します。

富山県外国人ワンストップ相談センター

〔問合せ先：とやま国際センター

富山市牛島新町5-5 インテックビル4階〕

TEL 076-441-6330、076-441-5654、080-5852-2234

受付時間：平日9:00～17:00







問い合わせ先（学校や役所、病院など）と富山県外国人ワンストップ相談センターの3人で話すことができます。

相談窓口紹介ガイド







富山市のさまざまな窓口の連絡先がまとめて掲載されています。



2. Thông tin hữu ích

- Trang web chính thức Thành phố Toyama
Cung cấp thông tin hành chính của Thành phố Toyama.
- Trang web Hiệp hội Giao lưu Quốc tế Thành phố Toyama
Tổ chức lớp học tiếng Nhật, tư vấn cuộc sống, các sự kiện và hoạt động khác.
- Trang web Cục Quản lý Xuất nhập cảnh và Lưu trú
Công thông tin cho người nước ngoài
Cung cấp những thông tin cần thiết và quan trọng để sinh sống an toàn tại Nhật Bản.
- LINE chính thức của Thành phố Toyama
Cập nhật thông tin hành chính, sự kiện, thông tin khẩn cấp, đồng thời cung cấp dịch vụ hành chính trực tuyến như thủ tục và đặt lịch hẹn.
- LINE chính thức Hiệp hội Giao lưu Quốc tế Toyama
Cung cấp thông tin sự kiện và cuộc sống bằng tiếng Nhật dễ hiểu.
- Trang web chính thức Hiệp hội Du lịch Thành phố Toyama
Cập nhật thông tin du lịch và sự kiện tại Toyama.

2. お役立ち情報

- 富山市ホームページ
富山市の行政情報が掲載されています。
- 富山市民国際交流協会ホームページ
日本語教室や生活相談、イベントなどを行っています。
- 出入国在留管理庁ホームページ
外国人生活ポータルサイト
日本で安心して生活するために必要なことや大切な情報が掲載されています。
- 富山市公式LINE
富山市の市政情報やイベント情報、緊急情報などを配信するとともに、手続きや予約などの行政サービスを提供しています。
- 富山市民国際交流協会公式LINE
やさしいにほんごでイベントや生活情報を配信しています。
- 富山市観光協会公式サイト
富山市の観光情報やイベントを知ることができます。

※ QR コードは(株)デンソーウェーブの登録商標です

せいかつじょうほう ごぼん
生活情報ガイド：ベトナム語版

Hướng dẫn thông tin sinh hoạt: Phiên bản tiếng Việt Nam

れいわ ねん がつ だい はん
令和8年3月第4版

Tháng 3 năm 2026 phát hành phiên bản thứ bốn

へんしゅう とやましきかくかんりぶぶんかこくさいか
編集：富山市企画管理部文化国際課
とやましみんなこくさいこうりゅうきょうかい
富山市民国際交流協会

Biên tập: Ban văn hóa quốc tế bộ phận quản lý kế hoạch
thành phố Toyama

Hiệp hội giao lưu quốc tế Toyama

はっこう とやましこくさいこうりゅう
発行：富山市国際交流センター

Phát hành: Trung tâm giao lưu quốc tế thành phố Toyama

〒930-0002 とやまししんとみちよう 富山市新富町1-2-3

TEL 076-444-0642

FAX 076-444-0643

〒930-0002 Toyamashi shintomichou 1-2-3

Số điện thoại khẩn cấp



Cháy

☎ 119



Cấp cứu

☎ 119



Cảnh sát

☎ 110



Hướng dẫn chỉ đường “Trung tâm Giao lưu Quốc tế Thành phố Toyama”

☎ 076-444-0642